

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

LỜI NÓI ĐẦU

Trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần phải có 3 yếu tố, đó là con người lao động, tài liệu lao động và đối tượng lao động để thực hiện mục tiêu tối đa hoá giá trị của chủ sở hữu. Tài liệu lao động trong các doanh nghiệp chính là những phương tiện vật chất mà con người lao động sử dụng nó để tác động vào đối tượng lao động. Nó là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất mà trong đó tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận quan trọng nhất.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì TSCĐ được sử dụng rất phong phú, đa dạng và có giá trị lớn, vì vậy việc sử dụng chúng sao cho có hiệu quả là một nhiệm vụ khó khăn.

TSCĐ nếu được sử dụng đúng mục đích, phát huy được năng suất làm việc, kết hợp với công tác quản lý sử dụng TSCĐ như đầu tư, bảo quản, sửa chữa, kiểm kê, đánh giá... được tiến hành một cách thường xuyên, có hiệu quả thì sẽ góp phần tiết kiệm tài liệu sản xuất, nâng cao cả về số và chất lượng sản phẩm sản xuất và như vậy doanh nghiệp sẽ thực hiện được mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của mình.

Nói tóm lại, vấn đề sử dụng đầy đủ, hợp lý công suất của TSCĐ sẽ góp phần phát triển sản xuất, thu hồi vốn đầu tư nhanh để tái sản xuất, trang bị thêm và đổi mới không ngừng TSCĐ, là những mục tiêu quan trọng khi TSCĐ được đưa vào sử dụng.

Trong thực tế, hiện nay, ở Việt Nam, trong các doanh nghiệp Nhà nước, mặc dù đã nhận thức được tác dụng của TSCĐ đối với quá trình sản xuất kinh doanh nhưng đa số các doanh nghiệp vẫn chưa có những kế hoạch, biện pháp quản lý, sử dụng đầy đủ, đồng bộ và chủ động cho nên TSCĐ sử dụng một cách lãng phí, chưa phát huy được hết hiệu quả kinh tế của chúng và như vậy là lãng phí vốn đầu tư đồng thời ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Assignment Supporting Group
<http://assignmentssupporting.com>

Nhận thức đ- ọc tầm quan trọng của TSCĐ cũng nh- hoạt động quản lý và sử dụng có hiệu quả TSCĐ của doanh nghiệp, qua thời gian học tập và nghiên cứu tại tr- ờng Đại học Kinh tế Quốc dân và thực tập tại Công ty Cao su Sao Vàng Hà nội, em nhận thấy: Vấn đề sử dụng TSCĐ sao cho có hiệu quả có ý nghĩa to lớn không chỉ trong lý luận mà cả trong thực tiễn quản lý doanh nghiệp. Đặc biệt là đối với Công ty Cao su Sao Vàng Hà nội là nơi mà TSCĐ đ- ọc sử dụng rất phong phú, nhiều chủng loại cho nên vấn đề quản lý sử dụng gặp nhiều phức tạp. Nếu không có những giải pháp cụ thể thì sẽ gây ra những lãng phí không nhỏ cho doanh nghiệp.

Vì những lý do trên, em đã chọn đề tài :

□Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty Cao su Sao Vàng Hà Nội□.

Ngoài lời nói đầu và kết luận, nội dung chuyên đề tốt nghiệp đ- ọc trình bày theo 3 ch- ơng:

Ch- ơng 1: TSCĐ trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ch- ơng 2: Thực trạng hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty Cao su Sao Vàng Hà Nội.

Ch- ơng 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty Cao su Sao Vàng Hà Nội.

Em rất mong nhận đ- ọc sự chỉ bảo của các thầy cô và cán bộ phòng tài chính - kế toán thuộc Công ty Cao su Sao Vàng Hà nội để rút ra những bài học cho việc nghiên cứu, học tập và làm việc sau này.

CHƯƠNG 1

TSCĐ TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. TÀI SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP.

Đối với bất cứ một doanh nghiệp nào, khi tiến hành hoạt động kinh doanh mục tiêu duy nhất của họ là tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá giá trị doanh nghiệp hay mục tiêu tăng trưởng. Quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là các hoạt động trao đổi, là quá trình chuyển biến các tài sản trong doanh nghiệp theo chu trình Tiền Tài sản → Tiền.

Nh- vậy tài sản ở đây phải hiểu là các yếu tố kinh tế cả hữu hình lẫn vô hình mà doanh nghiệp nắm giữ, quản lý, sử dụng để mang lại lợi ích cho doanh nghiệp trong tương lai.

Tài sản trong doanh nghiệp được phân ra làm hai loại là tài sản lưu động (TSLĐ) và TSCĐ:

- **TSLĐ** là những đối tượng lao động, tham gia toàn bộ và luân chuyển giá trị một lần vào giá trị sản phẩm. TSLĐ trong doanh nghiệp thường được chia làm hai loại là TSLĐ sản xuất (nguyên, nhiên, vật liệu..) và TSLĐ lưu thông (Các sản phẩm, thành phẩm chờ tiêu thụ, các loại vốn bằng tiền,..). TSLĐ có đặc điểm là trong quá trình sản xuất kinh doanh, TSLĐ luôn vận động, thay thế và chuyển hoá lẫn nhau, đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục.

- **TSCĐ** là tài liệu lao động quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc tạo ra sản phẩm sản xuất.

Assignment Supporting Group

<http://assignmentssupporting.com>

Tóm lại, có thể khẳng định rằng, tài sản đóng vai trò lớn trong việc thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp mà trong đó TSCĐ có ý nghĩa quan trọng, góp phần đáng kể đem lại những lợi ích cho doanh nghiệp. Dưới đây ta sẽ nghiên cứu cụ thể hơn về TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.2.TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

1.2.1.Khái niệm - đặc điểm TSCĐ.

Lịch sử phát triển của sản xuất — xã hội đã chứng minh rằng muốn sản xuất ra của cải vật chất, nhất thiết phải có 3 yếu tố : sức lao động, t- liệu lao động và đối t- ợng lao động.

Đối t- ợng lao động chính là các loại nguyên, nhiên, vật liệu. Khi tham gia vào quá trình sản xuất, đối t- ợng lao động chịu sự tác động của con ng- ời lao động thông qua t- liệu lao động để tạo ra sản phẩm mới. Qua quá trình sản xuất, đối t- ợng lao động không còn giữ nguyên đ- ợc hình thái vật chất ban đầu mà nó đã biến dạng, thay đổi hoặc mất đi. Tuy nhiên, khác với đối t- ợng lao động, các t- liệu lao động (nh- máy móc thiết bị, nhà x- ởng, ph- ơng tiện vận tải, ph- ơng tiện truyền dẫn) là những ph- ơng tiện vật chất mà con ng- ời lao động sử dụng để tác động vào đối t- ợng lao động, biến đổi nó theo mục đích của mình.

Bộ phận quan trọng nhất trong các t- liệu lao động đ- ợc sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là các TSCĐ. Trong quá trình tham gia vào sản xuất, t- liệu lao động này chủ yếu đ- ợc sử dụng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp và có thể tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất nh- ng vẫn không thay đổi hình thái vật chất ban đầu. Thông th- ờng một t- liệu lao động đ- ợc coi là một TSCĐ phải đồng thời thoả mãn 2 tiêu chuẩn cơ bản sau:

- *Một là* phải có thời gian sử dụng trên 1 năm hoặc một kỳ sản xuất kinh doanh (nếu trên 1 năm)
- *Hai là* phải đạt một giá trị tối thiểu ở một mức quy định.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

Tuỳ theo điều kiện, yêu cầu và trình độ quản lý trong từng giai đoạn phát triển kinh tế mà ở mỗi n-ớc, ở mỗi thời kỳ những tiêu chuẩn về giá trị của những t- liệu lao động đ- ợc xác định là TSCĐ sẽ khác nhau.

Để có thể hiểu rõ hơn việc đ- a ra 2 tiêu chuẩn trên ta có thể đ- a ra những phân tích nh- sau:

TSCĐ là t- liệu lao động nh- ng không phải tất cả t- liệu lao động là TSCĐ. Những t- liệu lao động nào là TSCĐ ít nhất phải là sản phẩm lao động xã hội và có giá trị. Giá trị của TSCĐ biểu hiện l- ợng hao phí lao động cần thiết nhất định để sản xuất sản phẩm và l- ợng lao động vật hoá thể hiện trong sản phẩm đó. Do vậy, đất đai, sông ngòi đ- ợc coi là t- liệu lao động nh- ng không đ- ợc tính vào TSCĐ vì nó không phải là sản phẩm của lao động xã hội và không có giá trị. Tuy nhiên, không phải tất cả những t- liệu lao động vốn là sản phẩm của lao động xã hội và có giá trị đều đ- ợc coi là TSCĐ cả.

Ng- ời ta th- ờng quy định một giới hạn nhất định về giá trị và về thời hạn sử dụng. Giới hạn về thời hạn sử dụng, ở tất cả các n- ớc đều quy định là một năm. Nguyên nhân là do thời hạn này phù hợp với thời hạn kế hoạch hoá, quyết toán thông th- ờng và không có gì trở ngại đối với vấn đề quản lý nói chung. Giới hạn về giá trị thì ở các n- ớc khác nhau đều không giống nhau vì giới hạn về giá trị nhất định phải phù hợp với quá trình hình thành giá trị, có hiệu lực chung đối với tất cả hoặc đối với nhiều ngành kinh tế, đồng thời phải bảo đảm việc hạch toán chi phí sản xuất, tính toán kế hoạch ... đ- ợc thuận tiện.

Hiện nay, theo quy định của Nhà n- ớc thì những t- liệu đ- ợc coi là TSCĐ nếu chúng thoả mãn hai tiêu chí, đó là thời gian sử dụng lớn hơn một năm, giá trị đơn vị đạt tiêu chuẩn từ 5000.000 đồng.

Nh- vậy, có những t- liệu lao động không đủ hai tiêu chuẩn quy định trên thì không được coi là TSCĐ và được xếp vào “công cụ lao động nhỏ” và được đầu tư bằng vốn l- u động của doanh nghiệp, có nghĩa là chúng là TSLĐ.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

Tuy nhiên, trong thực tế việc dựa vào hai tiêu chuẩn trên để nhận biết TSCĐ là không dễ dàng do các nguyên nhân sau:

Một là, do trong một số trường hợp việc phân biệt đối tượng lao động với các tài liệu lao động là TSCĐ của doanh nghiệp không chỉ đơn thuần dựa vào đặc tính hiện vật mà còn dựa vào tính chất công dụng của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Điều này có nghĩa là có thể cùng một loại tài sản nh- ng ở trường hợp này nó đ- ợc coi là TSCĐ nh- ng ở trường hợp khác nó lại đ- ợc coi là đối tượng lao động. Chẳng hạn nh- máy móc thiết bị, nhà x- ởng dùng trong sản xuất thì sẽ đ- ợc coi là TSCĐ song nếu là các sản phẩm máy móc hoàn thành đang đ- ợc bảo quản trong kho thành phẩm chờ tiêu thụ hoặc là công trình xây dựng cơ bản ch- a bàn giao thì chỉ đ- ợc coi là tài liệu lao động. Nh- vậy, vẫn những tài sản đó nh- ng dựa vào tính chất, công dụng mà khi thì là TSCĐ khi chỉ là đối tượng lao động. T- ơng tự nh- vậy trong sản xuất nông nghiệp, những gia súc đ- ợc sử dụng làm sức kéo, cho sản phẩm thì đ- ợc coi là TSCĐ nh- ng vẫn chính gia súc đó khi đ- ợc nuôi để lấy thịt thì chỉ là các đối tượng lao động mà thôi.

Hai là, đối với một số các tài liệu lao động nếu đem xét riêng lẻ thì sẽ không thoả mãn tiêu chuẩn là TSCĐ. Tuy nhiên, nếu chúng đ- ợc tập hợp sử dụng đồng bộ nh- một hệ thống thì cả hệ thống đó sẽ đạt những tiêu chuẩn của một TSCĐ. Ví dụ nh- trang thiết bị trong một phòng thí nghiệm, một văn phòng, một phòng nghỉ khách sạn, một vườn cây lâu năm...

Ba là, hiện nay do sự tiến bộ của khoa học công nghệ và ứng dụng của nó vào hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời do những đặc thù trong hoạt động đầu t- của một số ngành nên một số khoản chi phí doanh nghiệp đã chi ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nếu đồng thời đều thoả mãn cả hai tiêu chuẩn cơ bản trên và không hình thành TSCĐHH thì đ- ợc coi là các TSCĐVH của doanh nghiệp. Ví dụ nh- các chi phí mua bằng sáng chế, phát minh, bản quyền, các chi phí thành lập doanh nghiệp...

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

Đặc điểm chung của các TSCĐ trong doanh nghiệp là sự tham gia vào những chu kỳ sản xuất sản phẩm với vai trò là các công cụ lao động. Trong quá trình tham gia sản xuất, hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ không thay đổi. Song TSCĐ bị hao mòn dần (hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình) và chuyển dịch dần từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất chuyển hoá thành vốn lao động. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đ-ợc bù đắp mỗi khi sản phẩm đ-ợc tiêu thụ. Hay lúc này nguồn vốn cố định bị giảm một l-ợng đúng bằng giá trị hao mòn của TSCĐ đồng thời với việc hình thành nguồn vốn đầu t- XDCB đ-ợc tích lũy bằng giá trị hao mòn TSCĐ. Căn cứ vào nội dung đã trình bày trên có thể rút ra khái niệm về TSCĐ trong doanh nghiệp nh- sau :

TSCĐ trong các doanh nghiệp là những t- liệu lao động chủ yếu có giá trị lớn tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất, còn giá trị của nó thì đ-ợc chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm trong các chu kỳ sản xuất.

Trong điều kiện nền kinh tế thị tr-ờng hiện nay, các TSCĐ của doanh nghiệp cũng đ-ợc coi nh- bất cứ một loại hàng hoá thông th-ờng khác. Vì vậy nó cũng có những đặc tính của một loại hàng hoá có nghĩa là không chỉ có giá trị mà còn có giá trị sử dụng. Thông qua quan hệ mua bán, trao đổi trên thị tr-ờng, các TSCĐ có thể đ-ợc dịch chuyển quyền sở hữu và quyền sử dụng từ chủ thể này sang chủ thể khác.

1.2.2. Phân loại TSCĐ.

Để quản lý và sử dụng có hiệu quả TSCĐ ng-ời ta phân loại TSCĐ. Việc phân loại TSCĐ đ-ợc đúng đắn, kịp thời, đầy đủ sẽ tạo tiền đề cho việc hạch toán kế toán, thống kê và kế hoạch hoá biện pháp kỹ thuật sản xuất trong các doanh nghiệp. Muốn phân loại TSCĐ đúng cần căn cứ vào các đặc điểm về công dụng, hình thái biểu hiện... Tùy theo yêu cầu của công tác quản lý mà có thể phân loại TSCĐ theo các cách chủ yếu sau đây:

1.2.2.1. Phân loại theo hình thái biểu hiện.

Assignmenthelp1103@gmail.com – 0906.20.6556

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

Theo cách phân loại này, TSCĐ trong doanh nghiệp chia làm hai loại: TSCĐ mang hình thái vật chất (TSCĐHH) và TSCĐ không có hình thái vật chất (TSCĐVH).

TSCĐHH : Là những t- liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể (từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hoặc một số chức năng nhất định), có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nh- ng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu nh- nhà x- ởng, máy móc thiết bị, ph- ơng tiện vận tải.....

TSCĐVH: Là những tài sản không mang tính vật chất, thể hiện một l- ợng giá trị đã đ- ợc đầu t- có liên quan trực tiếp đến nhiều chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nh- : chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí lợi thế kinh doanh, chi phí mua bản quyền, phát minh, sáng chế...

1.2.2.2. Phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế.

Theo cách phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp đ- ợc chia làm 6 loại:

- *Nhà cửa, vật kiến trúc*: là những TSCĐ của doanh nghiệp đ- ợc hình thành sau quá trình thi công, xây dựng nh- nhà x- ởng, trụ sở làm việc, nhà kho, tháp n- ớc, hàng rào, sân bay, đ- ờng xá, cầu cảng.

- *Máy móc thiết bị*: là toàn bộ các loại máy móc thiết bị dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh nh- máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ...

- *Ph- ơng tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn*: là các ph- ơng tiện vận tải bao gồm các ph- ơng tiện vận tải đ- ờng bộ, đ- ờng sắt, đ- ờng thủy và các thiết bị truyền dẫn nh- các hệ thống thông tin, hệ thống điện, hệ thống đ- ờng ống dẫn n- ớc, đ- ờng điện....

Assignment Supporting Group

<http://assignmentssupporting.com>

- *Thiết bị dụng cụ quản lý*: là những thiết bị dùng trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như- máy vi tính, máy fax, dụng cụ đo lường, các thiết bị điện tử...

- *Vườn cây lâu năm- súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm*: là các vườn cây lâu năm như- vườn chè, vườn cây cao su, vườn cà phê, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm như- đàn voi, đàn bò, đàn ngựa...

- *Các loại TSCĐ khác*: là toàn bộ các loại TSCĐ chưa liệt kê vào 5 loại trên như- tác phẩm nghệ thuật, tranh ảnh....

Cách phân loại này cho thấy công dụng cụ thể của từng loại TSCĐ trong doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý sử dụng TSCĐ và tính toán KHTSCĐ chính xác. Nó giúp cho việc tính được tỷ lệ các loại TSCĐ khác nhau với toàn bộ TSCĐ, kiểm tra mức độ đảm bảo của TSCĐ đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, biết được trình độ cơ giới hoá về kỹ thuật sản phẩm của xí nghiệp.

Mỗi cách phân loại trên cho phép doanh nghiệp đánh giá, xem xét TSCĐ theo các tiêu thức khác nhau. Tùy theo yêu cầu quản lý, các doanh nghiệp tự phân loại sao cho phù hợp.

1.2.3. Kết cấu TSCĐ.

Kết cấu TSCĐ của doanh nghiệp là tỷ lệ giữa nguyên giá của một loại tài sản cố định nào đó so với nguyên giá TSCĐ của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

Kết cấu TSCĐ giữa các doanh nghiệp trong các ngành sản xuất khác nhau thậm chí trong cùng ngành sản xuất cũng khác nhau. Sự khác biệt hay biến động về kết cấu TSCĐ trong các doanh nghiệp trong các thời kỳ phụ thuộc vào các nhân tố sau:

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

- *Tính chất sản xuất và quy trình công nghệ* nh- trong ngành khai thác, vật kiến trúc chiếm tỷ lệ lớn nhất trong giá trị TSCĐ, trong ngành chế biến tỷ lệ lớn nhất là thiết bị và máy móc sản xuất, trong ngành động lực tỷ lệ lớn nhất là thiết bị động lực và thiết bị truyền dẫn.

- *Trình độ kỹ thuật sản xuất*: □ những xí nghiệp nào mà trình độ sản xuất cơ hoá và tự động hoá t- ong đối cao thì tỷ lệ của máy móc sản xuất và thiết bị sản xuất chiếm tỷ trọng lớn hơn, nhà cửa và dụng cụ quản lý chiếm tỷ trọng nhỏ hơn.

- *Ph- ong thức tổ chức sản xuất*: Nếu áp dụng cách sản xuất dây chuyền thì tỷ lệ thiết bị truyền dẫn và ph- ong tiện vận tải trong xí nghiệp giảm xuống, sử dụng tốt hơn các địa điểm sản xuất và bố trí hợp lý hơn các thiết bị máy móc sẽ làm thay đổi quan hệ tỷ lệ giữa các thiết bị và nhà kho do đó nâng cao tỷ lệ máy móc thiết bị trong tổng số TSCĐ của doanh nghiệp.

- *Quy mô của doanh nghiệp lớn hay nhỏ*: Trong các doanh nghiệp lớn, tỷ lệ máy móc thiết bị th- ờng cao hơn so với các doanh nghiệp nhỏ, tỷ lệ dụng cụ, nhà cửa th- ờng thấp hơn các doanh nghiệp nhỏ, do đó các doanh nghiệp lớn th- ờng có thể tiết kiệm số vốn đầu t- vào nhà cửa và dụng cụ.

Ngoài ra kết cấu TSCĐ còn phụ thuộc vào khả năng thu hút vốn đầu t- , khả năng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Trong công tác quản lý sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp, phân tích kết cấu TSCĐ giúp ta thấy rõ đ- ợc cơ cấu đầu t- , tình hình sử dụng TSCĐ, trình độ trang bị kỹ thuật cho sản xuất, có ý quan trọng trong kiểm tra hiệu quả của việc đầu t- xây dựng cơ bản và xu thế chung của các ngành. Nó giúp doanh nghiệp chủ động điều chỉnh kết cấu TSCĐ sao cho có lợi nhất cho việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

1.2.4. Hao mòn- khấu hao TSCĐ.

1.2.4.1. Hao mòn.

TSCĐ trong quá trình tham gia vào sản xuất, vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu nh- ng trong thực tế do chịu ảnh h- ờng của nhiều nguyên nhân

Assignmenthelp1103@gmail.com – 0906.20.6556

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

khác nhau khách quan và chủ quan làm cho TSCĐ của doanh nghiệp bị giảm dần về tính năng, tác dụng, công năng, công suất và do đó giảm dần giá trị của TSCĐ, đó chính là hao mòn TSCĐ.

TSCĐ của doanh nghiệp bị hao mòn d- ới hai hình thức: hao mòn hữu hình (HMHH) và hao mòn vô hình (HMHVH) .

- *Hao mòn hữu hình.*

HMHH của TSCĐ là sự hao mòn về vật chất, về thời gian sử dụng và giá trị của TSCĐ trong quá trình sử dụng. Về mặt vật chất đó là sự hao mòn có thể nhận thấy đ- ợc từ sự thay đổi trạng thái ban đầu ở các bộ phận, chi tiết TSCĐ d- ới tác dụng của ma sát, tải trọng, nhiệt độ, hoá chất,... Về giá trị sử dụng, đó là sự giảm sút về chất l- ợng, tính năng kỹ thuật ban đầu trong quá trình sản xuất và cuối cùng không còn sử dụng đ- ợc nữa. Trong một mức độ nhất định muốn khôi phục lại giá trị sử dụng của nó phải tiến hành sửa chữa, thay thế các chi tiết. Về mặt giá trị, đó là sự giảm dần giá trị của TSCĐ cùng với quá trình chuyển dịch dần từng phần giá trị hao mòn vào giá trị sản phẩm sản xuất. Đối với các TSCĐ vô hình, HMHH chỉ thể hiện ở mặt giá trị.

Tốc độ và mức độ HMHH của TSCĐ trong nhiều giai đoạn khác nhau của việc sử dụng chúng cũng tùy thuộc vào những điều kiện khác nhau nh- chất l- ợng của việc thiết kế và xây dựng TSCĐ, loại và chất l- ợng vật liệu dùng để chế tạo ra TSCĐ đó, chế độ bảo quản, sử dụng TSCĐ, trình độ tay nghề của công nhân sử dụng TSCĐ đó, tốc độ và tính chất kịp thời của việc sửa chữa TSCĐ, điều kiện bảo quản, điều kiện tự nhiên nh- nhiệt độ, độ ẩm không khí...

Việc xác định rõ nguyên nhân của những HMHH TSCĐ sẽ giúp cho các doanh nghiệp đ- a ra những biện pháp cần thiết, hữu hiệu để hạn chế nó.

- *Hao mòn vô hình.*

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

Đồng thời với sự HMHH của TSCĐ lại có sự hao mòn vô hình (HMOVH). HMOVH của TSCĐ là hao mòn thuần túy về mặt giá trị của TSCĐ. HMOVH của TSCĐ có thể do nhiều nguyên nhân.

Thứ nhất là, sự mất giá trị của TSCĐ do việc tái sản xuất TSCĐ cùng loại mới rẻ hơn. Hình thức HMOVH này là kết quả của việc tiết kiệm hao phí lao động xã hội hình thành nên khi xây dựng TSCĐ.

Thứ hai là, HMOVH là sự mất giá trị của TSCĐ do năng suất thấp hơn và hiệu quả kinh tế lại ít hơn khi sử dụng so với TSCĐ mới sáng tạo hiện đại hơn về mặt kỹ thuật. Ngoài ra, TSCĐ có thể bị mất giá trị hoàn toàn do chấm dứt chu kỳ sống của sản phẩm, tất yếu dẫn đến những TSCĐ sử dụng để chế tạo cũng bị lạc hậu, mất tác dụng. Hoặc trong các tr- ờng hợp máy móc thiết bị, quy trình công nghệ...còn nằm trên dự án thiết kế, các bản dự thảo phát minh song đã trở nên lạc hậu vào thời điểm đó. điều này cho thấy HMOVH không chỉ xảy ra đối với TSCĐ hữu hình mà còn với cả các TSCĐ vô hình.

Nh- vậy không những HMHH của TSCĐ làm cho mức khấu hao và tỷ lệ khấu hao có sự thay đổi mà ngay cả HMOVH của TSCĐ cũng làm cho mức khấu hao và tỷ lệ khấu hao có sự thay đổi nữa.

Nguyên nhân cơ bản của HMOVH là sự phát triển của tiến bộ khoa học kỹ thuật. Do đó biện pháp có hiệu quả nhất để khắc phục HMOVH là doanh nghiệp phải coi trọng đổi mới khoa học kỹ thuật công nghệ, sản xuất, ứng dụng kịp thời các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật. Điều này có ý nghĩa quyết định trong việc tạo ra các lợi thế cho doanh nghiệp trong cạnh tranh trên thị tr- ờng.

1.2.4.2. Khấu hao TSCĐ.

KHTSCĐ là việc chuyển dịch dần giá trị hao mòn của TSCĐ vào chi phí sản xuất trong kỳ theo ph- ơng pháp tính toán thích hợp. Nói cách khác, KHTSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của TSCĐ vào chi

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

phí kinh doanh theo thời gian sử dụng của TSCĐ và đảm bảo phù hợp với lợi ích thu đ- ợc từ tài sản đó trong quá trình sử dụng.

Khi tiến hành KHTSCĐ là nhằm tích lũy vốn để thực hiện quá trình tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng TSCĐ. Vì vậy, việc lập nên quỹ KHTSCĐ là rất có ý nghĩa. Đó là nguồn tài chính quan trọng để giúp doanh nghiệp th- ờng xuyên thực hiện việc đổi mới từng bộ phận, nâng cấp, cải tiến và đổi mới toàn bộ TSCĐ. Theo quy định hiện nay của nhà n- ớc về việc quản lý vốn cố định của các doanh nghiệp thì khi ch- a có nhu cầu đầu t- , mua sắm, thay thế TSCĐ các doanh nghiệp cũng có thể sử dụng linh hoạt quỹ khấu hao để đáp ứng các nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo nguyên tắc hoàn trả.

Việc tính toán chính xác mức khấu hao có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó phải phù hợp với mức độ hao mòn của TSCĐ và đảm bảo thu hồi đầy đủ giá trị vốn đầu t- ban đầu. Thực hiện tốt điều này sẽ đảm bảo tính chính xác của giá thành sản phẩm, hạn chế ảnh h- ớng của HMVH và góp phần vào việc bảo toàn và tăng vốn cố định. Đồng thời việc tính toán đầy đủ, chính xác mức khấu hao vào chi phí sản xuất thì việc hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mới bảo đảm chính xác để đo l- ờng chính xác thu nhập của doanh nghiệp. Hiện nay, các doanh nghiệp muốn tính đúng, tính đủ chi phí khấu hao và giá thành sản phẩm thì biện pháp quan trọng nhất là phải không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng các TSCĐ.

1.2.4.3. Những quy định về tính khấu hao TSCĐ.

a/ Phạm vi TSCĐ phải tính khấu hao.

Theo quy định hiện hành của Bộ tr- ởng Bộ tài chính thì mọi TSCĐ của doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động kinh doanh đều phải tính khấu hao, mức tính KHTSCĐ đ- ợc hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Những TSCĐ không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì không phải tính khấu hao, bao gồm:

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

- TSCĐ không cần dùng, ch- a cần dùng đã có quyết định của cơ quan nhà n- ớc có thẩm quyền cho phép doanh nghiệp đ- ợc đ- a vào cất giữ, bảo quản, điều động cho doanh nghiệp khác.

- TSCĐ thuộc dự trữ Nhà n- ớc giao cho doanh nghiệp quản lý, giữ hộ.

- TSCĐ phục vụ cho các hoạt động phúc lợi trong doanh nghiệp nh- nhà trẻ, câu lạc bộ..., những TSCĐ phục vụ nhu cầu chung toàn xã hội, không phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của riêng doanh nghiệp nh- đê đập, cầu cống.... mà Nhà n- ớc giao cho doanh nghiệp quản lý.

- TSCĐ khác không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp không đ- ợc tính khấu hao đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nh- ng vẫn đ- ợc sử dụng vào mục đích kinh doanh.

Đối với những TSCĐ ch- a khấu hao hết đã hỏng, doanh nghiệp phải xác định nguyên nhân, quy trách nhiệm đền bù, đòi bồi th- ờng thiệt hại.... và xử lý tổn thất theo các quy định hiện hành.

Đối với những TSCĐ đang chờ quyết định thanh lý, tính từ thời điểm TSCĐ ngừng tham gia vào hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp thôi tính khấu hao.

b/ Quy định về thời gian tính, thôi tính khấu hao.

Việc tính hoặc thôi tính KHTSCĐ đ- ợc thực hiện theo nguyên tắc tròn tháng. Những TSCĐ tăng trong tháng thì tính khấu hao từ tháng sau, còn đối với những TSCĐ giảm trong tháng thì tháng sau thôi tính khấu hao.

c/ Căn cứ để tính khấu hao TSCĐ.

Theo quy định hiện hành mức tính KHTSCĐ trong doanh nghiệp phải căn cứ vào thời gian sử dụng và nguyên giá của TSCĐ đó. Vì vậy, việc xác định thời gian sử dụng và nguyên giá TSCĐ phải tuân thủ các tiêu chuẩn do Nhà n- ớc quy định.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

- Thời gian sử dụng TSCĐ là thời gian doanh nghiệp dự kiến sử dụng TSCĐ vào hoạt động kinh doanh trong điều kiện bình thường phù hợp với các thông số kinh tế — kỹ thuật của TSCĐ và các yếu tố khác có liên quan đến sự hoạt động của TSCĐ. Khi xác định thời gian sử dụng của TSCĐ, doanh nghiệp phải căn cứ vào các tiêu chuẩn sau:

+ Tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ theo thiết kế (khoảng thời gian có thể sử dụng TSCĐ đã- ợc tính toán theo các thông số kỹ thuật khi chế tạo).

+ Hiện trạng của TSCĐ (thời gian TSCĐ đã qua sử dụng), thể hệ TSCĐ, tình trạng thực tế của tài sản....).

+ Tuổi thọ kinh tế của TSCĐ.

Dựa vào những tiêu chuẩn trên làm căn cứ để doanh nghiệp tính toán, dự kiến thời gian sử dụng của TSCĐ sao cho đạt hiệu quả đồng thời loại trừ đã- ợc những ảnh h- ưởng bất lợi của HMOVH.

Riêng đối những TSCĐ còn mới (ch- a qua sử dụng), TSCĐ đã qua sử dụng mà giá trị thực tế còn từ 90% trở lên (so với giá bán của TSCĐ cùng loại hoặc của loại TSCĐ t- ơng đ- ơng trên thị tr- ờng), doanh nghiệp cần căn cứ vào khung thời gian sử dụng TSCĐ do Nhà n- ớc quy định để xây dựng thời gian sử dụng TSCĐ sao cho phù hợp.

Đối với TSCĐVH doanh nghiệp đã- ợc tự phép xác định thời gian sử dụng trong khoảng thời gian từ 5 năm đến 40 năm.

Đối với TSCĐ thuê tài chính, thời gian sử dụng chính là thời gian thuê TSCĐ ghi trong hợp đồng thuê.

- *Xác định nguyên giá TSCĐ:*

Nguyên giá TSCĐ là toàn các chi phí thực tế đã chi ra để có TSCĐ cho tới khi đã- a TSCĐ đi vào hoạt động bình thường nh- giá mua thực tế, các chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí lắp đặt, chạy thử ; lãi tiền vay đầu t- cho TSCĐ khi ch- a bàn giao và đã- a TSCĐ vào sử dụng; thuế tr- ớc bạ (nếu có)...

Assignmenthelp1103@gmail.com – 0906.20.6556

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

+ Đối với TSCĐHH việc xác định nguyên giá phải căn cứ vào từng tr- ờng hợp cụ thể:

- TSCĐ loại mua sắm: Nguyên giá TSCĐ loại mua sắm (kể cả mua mới và cũ) bao gồm: giá thực tế phải trả, lãi tiền vay đầu t- cho TSCĐ khi đ- a TSCĐ vào sử dụng, các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, các chi phí sửa chữa, tân trang tr- ớc khi đ- a TSCĐ vào sử dụng, chi phí lắp đặt, chạy thử, thuế và lệ phí tr- ớc bạ (nếu có) ...

- TSCĐ loại đầu tư xây dựng: Nguyên giá tài sản loại này (cả tự làm và thuê ngoài) là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại điều lệ quản lý đầu t- và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan và lệ phí tr- ớc bạ (nếu có).

- TSCĐ loại đ- ợc cấp, đ- ợc điều chuyển đến....: Nguyên giá bao gồm giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của TSCĐ ở các đơn vị cấp, đơn vị chuyển ... hoặc giá trị thực tế của các hợp đồng giao nhận và các chi phí tân trang, chi phí vận chuyển , bốc dỡ, sửa chữa, lắp đặt, chạy thử, lệ phí tr- ớc bạ (nếu có) ... mà bên nhận tài sản phải chi ra tr- ớc khi đ- a TSCĐ vào sử dụng.

Riêng đối với TSCĐ điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong doanh nghiệp là nguyên giá phản ánh ở đơn vị điều chuyển phù hợp với bộ hồ sơ của TSCĐ đó. Đơn vị nhận TSCĐ căn cứ vào nguyên giá, số khấu hao lũy kế, giá trị còn lại trên sổ kế toán và bộ hồ sơ của TSCĐ và phản ánh vào sổ kế toán. Các chi phí liên quan đến việc điều chuyển TSCĐ giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc không hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ mà hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Tài sản cố định được cho, được biếu, được tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa...Nguyên giá bao gồm : giá trị theo đánh giá thực tế của hội đồng giao nhận, các chi phí tân trang, sửa chữa TSCĐ các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, lệ phí tr- ớc bạ (nếu có)... mà bên nhận phải chi ra tr- ớc khi đ- a vào sử dụng.

Assignmenthelp1103@gmail.com – 0906.20.6556

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

+ Đối TSCĐVH: Trong từng tr- ờng hợp nh- sau:

- Chi phí về đất sử dụng: Là toàn bộ chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí để giải phóng mặt bằng, lệ phí tr- ớc bạ (nếu có) .

Tr- ờng hợp doanh nghiệp trả tiền thuê đất hàng năm hoặc định kỳ thì các chi phí này đ- ợc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong các kỳ, không hạch toán vào nguyên giá TSCĐ.

- Chi phí thành lập doanh nghiệp: Là các chi phí thực tế có liên quan trực tiếp tới việc chuẩn bị cho sự khai sinh ra doanh nghiệp và đ- ợc nhiều ng- ời tham gia thành lập doanh nghiệp đồng ý coi nh- một phần vốn góp của mỗi ng- ời và đ- ợc ghi vào vốn điều lệ của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí cho công tác nghiên cứu, thăm dò, lập dự án đầu t- thành lập doanh nghiệp, chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí thẩm định dự án, hợp thành lập ...

- Chi phí nghiên cứu, phát triển: Là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp chi ra để thực hiện các công việc nghiên cứu, thăm dò, xây dựng các kế hoạch đầu t- dài hạn... nhằm đem lại lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp.

- Chi phí về bằng phát minh, sáng chế, bản quyền tác giả, mua bản quyền tác giả, nhận chuyển giao công nghệ ... là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra cho các công trình nghiên cứu (bao gồm cả chi cho sản xuất thử nghiệm, chi cho công tác kiểm nghiệm, nghiệm thu của Nhà n- ớc) đ- ợc Nhà n- ớc cấp bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả, hoặc các chi phí để doanh nghiệp mua lại bản quyền tác giả, bản quyền nhãn hiệu, chi cho việc nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức và cá nhân... mà các chi phí này có tác dụng phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí về lợi thế kinh doanh: là khoản chi cho phần chênh lệch doanh nghiệp phải trả thêm (chênh lệch phải trả thêm = giá mua — giá trị của tài sản theo đánh giá thực tế) ngoài các giá trị tài sản theo đánh giá thực tế (TSCĐ khi

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

doanh nghiệp đi mua, nhận sáp nhập, hợp nhất với một doanh nghiệp khác). Lợi thế này đ- ợc hình thành bởi - u thế về vị trí kinh doanh, về danh tiếng và uy tín đối với bạn hàng, về trình độ tay nghề của đội ngũ lao động, về điều hành, tổ chức của ban quản lý doanh nghiệp đó...

+ Đối với TSCĐ thuê tài chính: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê nh- đơn vị chủ sở hữu tài sản bao gồm: giá mua thực tế; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ; các chi phí sửa chữa tân trang tr- ớc khi đ- a TSCĐ vào sử dụng, chi phí lắp đặt, chạy thử, thuế và lệ phí tr- ớc bạ (nếu có)...

Phân chênh lệch giữa tiền thuê TSCĐ phải trả cho đơn vị cho thuê và nguyên giá TSCĐ đó đ- ợc hạch toán vào chi phí kinh doanh phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê tài chính.

Nguyên giá TSCĐ chỉ đ- ợc thay đổi trong những tr- ờng hợp sau:

1. Đánh giá lại giá trị TSCĐ.
2. Nâng cấp TSCĐ.
3. Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ.

Khi thay đổi nguyên giá TSCĐ, doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán, số khấu hao lũy kế của TSCĐ và tiến hành hạch toán theo các quy định hiện hành.

Việc quản lý, sử dụng và trích KHTSCĐ phải dựa trên nguyên tắc đánh giá theo nguyên giá, số khấu hao lũy kế và giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại trên} \\ \text{sổ kế toán của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá TSCĐ} \\ \text{lũy kế của TSCĐ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số khấu hao} \\ \text{lũy kế của TSCĐ} \end{array}$$

d/ Quy định về quản lý số khấu hao lũy kế của TSCĐ

- Đối với số khấu hao lũy kế của TSCĐ đ- ợc mua sắm, đầu t- bằng nguồn vốn ngân sách, coi nh- ngân sách cấp và bằng nguồn đầu t- phát triển của doanh

Assignmenthelp1103@gmail.com – 0906.20.6556

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

nghiệp, theo quy định hiện hành: Các doanh nghiệp đ-ợc sử dụng toàn bộ số khấu hao lũy kế của TSCĐ để thực hiện tái đầu t-, thay thế, đổi mới TSCĐ, mọi hoạt động đầu t-, xây dựng phải thực hiện theo đúng các quy định về quản lý đầu t- xây dựng. Khi ch- a có nhu cầu tái đầu t- TSCĐ, doanh nghiệp có quyền sử dụng linh hoạt số khấu hao lũy kế phục vụ nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc hoàn trả.

- Các Tổng Công ty Nhà n-ớc khi có nhu cầu đ-ợc quyền huy động số khấu hao lũy kế của TSCĐ của các đơn vị thành viên nh-ng phải tuân theo các quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà n-ớc.

- Đối với những TSCĐ đ-ợc đầu t- mua sắm xây dựng bằng nguồn vốn vay, về nguyên tắc doanh nghiệp phải sử dụng số khấu hao thu đ-ợc để trả vốn và lãi vay. Tuy nhiên khi ch- a đến thời hạn trả nợ, doanh nghiệp cũng có thể sử dụng tạm thời vào các mục đích kinh doanh khác để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay của doanh nghiệp.

- Riêng đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh doanh khác nhau nh- công ty cổ phần, công ty TNHH... sẽ do chủ tịch hội đồng quản trị hoặc giám đốc căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh để quyết định việc sử dụng quỹ khấu hao đạt hiệu quả cao nhất.

e/ Ph-ơng pháp KHTSCĐ trong doanh nghiệp.

Có rất nhiều ph-ơng pháp khác nhau để tính KHTSCĐ trong các doanh nghiệp. Mỗi ph-ơng pháp có những -u nh-ợc điểm riêng. Việc lựa chọn đúng đắn ph-ơng pháp KHTSCĐ có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý vốn cố định trong các doanh nghiệp. Thông th-ờng có các ph-ơng pháp khấu hao cơ bản sau:

* Ph-ơng pháp khấu hao bình quân (còn gọi là ph-ơng pháp khấu hao theo đ-ờng thẳng).

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

Đây là phương pháp khấu hao đơn giản nhất, được sử dụng phổ biến để tính khấu hao các loại TSCĐ trong doanh nghiệp. Theo phương pháp này, tỷ lệ và mức khấu hao hàng năm được xác định theo mức không đổi trong suốt thời gian sử dụng TSCĐ. Mức khấu hao hàng năm và tỷ lệ khấu hao hàng năm được xác định theo công thức sau:

$$MKH = \frac{NG}{T}$$
$$T_{KH} = \frac{M_{KH}}{NG} \times 100\% \quad \text{hay} \quad T_{KH} = \frac{1}{T} \times 100\%$$

Các ký hiệu:

M_{KH} : Mức tính khấu hao trung bình hàng năm.

T_{KH} : Tỷ lệ khấu hao trung bình hàng năm.

NG: Nguyên giá của TSCĐ.

T: Thời gian sử dụng của TSCĐ (năm).

Nếu doanh nghiệp trích cho từng tháng thì lấy số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Tuy nhiên trong thực tế phương pháp khấu hao bình quân có thể sử dụng với nhiều sự biến đổi nhất định cho phù hợp với đặc điểm sử dụng của TSCĐ trong từng ngành, từng doanh nghiệp, có thể nêu ra một số trường hợp sau:

- Trong một số ngành chủ yếu như xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, ngoài việc trích khấu hao theo thời gian sử dụng TSCĐ, ngoài ra cũng có thể khấu hao theo số ca máy hoạt động, theo khối lượng vận chuyển.

- Tỷ lệ khấu hao và mức khấu hao được xác định theo công thức trên là trong điều kiện sử dụng bình thường. Trong thực tế nếu được sử dụng trong điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn hơn mức bình thường thì doanh nghiệp có thể điều chỉnh lại tỷ lệ khấu hao và mức khấu hao bình quân hàng năm cho phù hợp bằng

Assignmenthelp1103@gmail.com – 0906.20.6556

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

cách điều chỉnh thời hạn khấu hao từ số năm sử dụng tối đa đến số năm sử dụng tối thiểu đối với từng loại TSCĐ hoặc nhân tỷ lệ khấu hao trung bình hàng năm với hệ số điều chỉnh.

$$T_{kd} = T_{kh} \times H_d$$

Trong đó:

T_{kd} : Tỷ lệ khấu hao điều chỉnh.

T_{kh} : Tỷ lệ khấu hao trung bình hàng năm.

H_d : Hệ số điều chỉnh ($H_d > 1$ hoặc $H_d < 1$).

- Tỷ lệ khấu hao bình quân hàng năm có thể tính cho từng TSCĐ cá biệt (khấu hao bình quân cá biệt) hoặc trích cho từng nhóm, từng loại TSCĐ hoặc toàn bộ các nhóm, loại TSCĐ của doanh nghiệp (khấu hao bình quân tổng hợp). Trên thực tế việc tính khấu hao theo từng TSCĐ cá biệt sẽ làm tăng khối lượng công tác tính toán và quản lý chi phí khấu hao. Vì thế doanh nghiệp thường sử dụng phương pháp khấu hao bình quân tổng hợp trong đó mức khấu hao trung bình hàng năm được tính cho từng nhóm, từng loại TSCĐ.

Nhìn chung, phương pháp khấu hao bình quân được sử dụng phổ biến là do ưu điểm của nó. Đây là phương pháp tính toán đơn giản, dễ hiểu. Mức khấu hao được tính vào giá thành sản phẩm sẽ ổn định và như vậy sẽ tạo điều kiện ổn định giá thành sản phẩm. Tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, trong doanh nghiệp sử dụng phương pháp khấu hao bình quân tổng hợp cho tất cả các loại TSCĐ của doanh nghiệp thì sẽ giảm được khối lượng công tác tính toán, thuận lợi cho việc lập kế hoạch KHTSCĐ của doanh nghiệp. Tuy nhiên nhược điểm của phương pháp này là không phản ánh chính xác mức độ hao mòn thực tế của TSCĐ và đồng thời giá thành sản phẩm trong các thời kỳ sử dụng TSCĐ sẽ không giống nhau. Hơn nữa, do tính bình quân nên khả năng thu hồi vốn đầu tư chậm và như vậy không thể hạn chế ảnh hưởng bất lợi của HMOVH đối với TSCĐ trong doanh nghiệp.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

* Ph-ong pháp khấu hao giảm dần.

Ng-ời ta th-ờng sử dụng ph-ong pháp khấu hao giảm dần để khắc phục những nh-ợc điểm của ph-ong pháp khấu hao bình quân. Ph-ong pháp khấu hao này đ-ợc sử dụng nhằm mục đích đẩy nhanh mức KHTSCĐ trong năm đầu sử dụng và giảm dần mức khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đây là ph-ong pháp rất thuận lợi cho các doanh nghiệp mới thành lập vì những năm đầu họ muốn quay vòng vốn nhanh để thực hiện phát triển sản xuất.

Ph-ong pháp khấu hao giảm dần có hai cách tính toán tỷ lệ và mức khấu hao hàng năm, đó là ph-ong pháp khấu hao theo số d- giảm dần hoặc khấu hao theo tổng số thứ tự năm sử dụng:

- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần.

Theo ph-ong pháp này thì số tiền khấu hao hàng năm đ-ợc tính bằng cách lấy giá trị còn lại của TSCĐ theo thời gian sử dụng nhân với tỷ lệ khấu hao không đổi. Nh- vậy, mức và tỷ lệ khấu hao theo thời gian sử dụng sẽ giảm dần. Có thể tính mức khấu hao hàng năm theo thời hạn sử dụng nh- sau:

$$M_{KH_i} = G_{cđi} \times T_{KH}$$

Trong đó:

M_{KH_i} : Mức khấu hao ở năm thứ i .

$G_{cđi}$: Giá trị còn lại của TSCĐ vào đầu năm thứ i .

T_{KH} : Tỷ lệ khấu hao hàng năm (theo ph-ong pháp số d-).

- Phương pháp khấu hao theo tổng số thứ tự năm sử dụng.

Theo ph-ong pháp này số tiền khấu hao đ-ợc tính bằng cách nhân giá trị ban đầu của TSCĐ với tỷ lệ khấu hao giảm dần qua các năm. Tỷ lệ khấu hao này đ-ợc xác định bằng cách lấy số năm sử dụng còn lại chia cho tổng số thứ tự năm sử dụng. Công thức tính toán nh- sau:

$$M_{KH_i} = NG \times T_{KH_i}$$

Assignment Supporting Group
<http://assignmentsupporting.com>

$$T_{KH} = \frac{2 \times (T - t + 1)}{T \times (T + 1)}$$

Trong đó:

M_{KH} : Mức khấu hao hàng năm.

NG: Nguyên giá của TSCĐ.

T_{KH} : Tỷ lệ khấu hao theo năm sử dụng.

T: Thời gian dự kiến sử dụng TSCĐ.

t: Thứ tự năm cần tính tỷ lệ khấu hao.

Phương pháp khấu hao giảm dần có những ưu điểm cơ bản đó là phản ánh chính xác hơn mức hao mòn TSCĐ vào giá trị sản phẩm, nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư mua sắm TSCĐ trong những năm đầu sử dụng, hạn chế được những ảnh hưởng bất lợi của HMVH. Tuy nhiên phương pháp này cũng có nhược điểm đó là việc tính toán mức khấu hao và tỷ lệ khấu hao hàng năm sẽ phức tạp hơn, số tiền trích khấu hao lũy kế đến năm cuối cùng thời hạn sử dụng TSCĐ cũng chưa đủ bù đắp toàn bộ giá trị đầu tư ban đầu vào TSCĐ của doanh nghiệp.

* Phương pháp khấu hao giảm dần kết hợp với khấu hao bình quân.

Để khắc phục nhược điểm của phương pháp khấu hao bình quân cũng như phương pháp khấu hao giảm dần, người ta thường sử dụng kết hợp hai phương pháp trên. Đặc điểm của phương pháp này là trong năm đầu sử dụng người ta sử dụng phương pháp khấu hao giảm dần, còn những năm cuối thì thực hiện phương pháp khấu hao bình quân. Mức khấu hao bình quân trong những năm cuối của thời gian sử dụng TSCĐ sẽ bằng tổng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

Theo quy định hiện nay của Nhà nước thì TSCĐ trong các doanh nghiệp (nhà nước) được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, nội dung như sau:

- Căn cứ vào các quy định sẽ xác định thời gian sử dụng của TSCĐ.
- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho TSCĐ theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng.}}$$

Thời gian sử dụng hay nguyên giá TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức khấu hao TSCĐ trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ sách kế toán chia cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng đã đăng ký và thời gian đã sử dụng) của TSCĐ.

Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng TSCĐ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và khấu hao lũy kế đã thực hiện của TSCĐ đó.

Như vậy, việc nghiên cứu các phương pháp KHTSCĐ sẽ giúp cho các doanh nghiệp lựa chọn phương pháp khấu hao cho phù hợp với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, để đảm bảo cho việc thu hồi vốn, bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỬ DỤNG TSCĐ.

1.3.1. Quản lý đầu tư vào TSCĐ.

Các TSCĐ của doanh nghiệp khi tham gia vào quá trình sản xuất đều bị hao mòn sẽ đến lúc chúng không còn sử dụng được nữa hoặc có thể do nhiều nguyên nhân mà cần thiết phải đổi mới TSCĐ hoặc phải thay thế, trang bị mới TSCĐ cho phù hợp với nhu cầu sản xuất. Các doanh nghiệp thường tính toán một số chỉ tiêu

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

cần thiết để xem xét tình hình sử dụng TSCĐ tại doanh nghiệp sau đó phân tích nhu cầu cần thiết đối với từng loại TSCĐ phục vụ cho sản xuất của doanh nghiệp để lên kế hoạch đầu t- TSCĐ cho đúng.

Việc đầu t- vào TSCĐ bao gồm các quyết định mua sắm, xây dựng, sửa chữa nâng cấp...TSCĐ đạt đ- ợc yêu cầu về thời gian hữu ích của chi phí bỏ ra (tài sản mua sắm) và giá trị của tài sản mua sắm. Khi doanh nghiệp quyết định đầu t- vào TSCĐ sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh ở hai khía cạnh là chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra tr- ớc mắt và lợi ích mà doanh nghiệp thu đ- ợc trong t- ơng lai. Chi phí của doanh nghiệp sẽ tăng lên do chi phí đầu t- phát sinh đồng thời phải phân bổ chi phí khấu hao (tuỳ theo thời gian hữu ích). Còn lợi ích đem lại là việc nâng cao năng lực sản xuất, tạo ra đ- ợc sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao trên thị tr- ờng.

Trong điều kiện nền kinh tế thị tr- ờng nh- hiện nay, sản xuất và tiêu thụ chịu sự tác động nghiệt ngã của quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Do vậy, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp khi tiến hành việc đầu t- TSCĐ là phải tiến hành tự thẩm định tức là sẽ so sánh giữa chi tiêu và lợi ích, tính toán một số chỉ tiêu ra quyết định đầu t- nh- NPV, IRR...để lựa chọn ph- ơng án tối - u.

Nhìn chung, đây là nội dung quan trọng trong công tác quản lý sử dụng TSCĐ vì nó là công tác khởi đầu khi TSCĐ đ- ợc sử dụng tại doanh nghiệp. Những quyết định ban đầu có đúng đắn thì sẽ góp phần bảo toàn vốn cố định. Nếu công tác quản lý này không tốt, không có sự phân tích kỹ l- ỡng trong việc lựa chọn ph- ơng án đầu t- xây dựng mua sắm sẽ làm cho TSCĐ không phát huy đ- ợc tác dụng để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh có hiệu quả và nh- vậy việc thu hồi toàn bộ vốn đầu t- là điều không thể.

1.3.2. Quản lý sử dụng, giữ gìn và sửa chữa TSCĐ.

Trong quá trình sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp, các bộ phận chi tiết, các phụ tùng... bị h- hỏng hoặc hao mòn hoặc xảy ra những tình trạng không bình th- ờng nh- nhờn ốc, vỡ van... Ngoài việc phải giữ gìn, lau dầu, ... doanh nghiệp

Assignmenthelp1103@gmail.com – 0906.20.6556

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

phải tiến hành bảo d-ỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo năng lực sản xuất bình th-ờng của TSCĐ. Nh- vậy, việc giữ gìn và sửa chữa TSCĐ là một biện pháp quan trọng để sử dụng TSCĐ có hiệu quả.

Giữ gìn và sửa chữa TSCĐ nhất là sửa chữa TSCĐ phải đ-ợc tiến hành có kế hoạch. Việc sửa chữa TSCĐ nói chung chia ra làm sửa chữa lớn và sửa chữa th-ờng xuyên. Trong khi sửa chữa phải thay đổi phần lớn phụ tùng của TSCĐ, thay đổi hoặc sửa chữa bộ phận chủ yếu của TSCĐ nh- thân máy, giá máy, phụ tùng lớn... Việc sửa chữa nh- vậy đều thuộc phạm vi của sửa chữa lớn. Sau khi sửa chữa lớn, thiết bị sản xuất có thể khôi phục đ-ợc mức độ chính xác và công suất, có khi còn có thể nâng cao công suất. Đặc điểm của công tác sửa chữa lớn là có phạm vi rộng, thời gian dài, cần phải có thiết bị kỹ thuật và tổ chức chuyên môn sửa chữa lớn.

Sửa chữa th-ờng xuyên là sửa chữa có tính chất hàng ngày để giữ gìn công suất sử dụng đều đặn của TSCĐ. Ví dụ nh- thay đổi lẻ tẻ những chi tiết đã bị hao mòn ở những thời kỳ khác nhau. Sửa chữa th-ờng xuyên chỉ có thể giữ đ-ợc trạng thái sử dụng đều đặn của TSCĐ chứ không thể nâng cao công suất của TSCĐ lên hơn mức ch- a sửa chữa đ-ợc. Đặc điểm của sửa chữa th-ờng xuyên là có phạm vi nhỏ, thời gian ngắn, chi phí ít, tiến hành th-ờng xuyên và đều đặn.

Thực tiễn cho thấy rằng chế độ bảo d-ỡng thiết bị máy móc là có nhiều - u điểm nh- khả năng ngăn ngừa tr-ớc sự hao mòn quá đáng và tình trạng h- hỏng bất ngờ cũng nh- chủ động chuẩn bị đầy đủ khiến cho tình hình sản xuất không bị gián đoạn đột ngột. Tùy theo điều kiện cụ thể mà mỗi doanh nghiệp thực hiện chế độ sửa chữa với các mức độ khác nhau.

Thông th-ờng khi tiến hành sửa chữa lớn TSCĐ th-ờng kết hợp với việc hiện đại hoá, với việc cải tạo thiết bị máy móc. Khi việc sửa chữa lớn, kể cả việc hiện đại hoá, cải tạo máy móc, thiết bị hoàn thành thì nguồn vốn sửa chữa lớn TSCĐ giảm đi, vốn cố định tăng lên vì TSCĐ đ-ợc sửa chữa lớn đã khôi phục ở mức nhất định phần giá trị đã hao mòn, nên từ đó tuổi thọ của TSCĐ đ-ợc tăng thêm,

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

tức là đã kéo dài thời hạn sử dụng. Đây là một nội dung cần thiết trong quá trình quản lý sử dụng TSCĐ, nếu đ- ợc tiến hành kịp thời, có kế hoạch kỹ l- ỡng thì việc tiến hành sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao.

1.3.3. Quản lý KHTSCĐ trong doanh nghiệp.

Khi sử dụng TSCĐ, doanh nghiệp cần quản lý khấu hao một cách chặt chẽ vì có nh- vậy mới có thể thu hồi đ- ợc vốn đầu t- ban đầu. Các doanh nghiệp th- ờng thực hiện việc lập kế hoạch KBTSCĐ hàng năm. Thông qua kế hoạch khấu hao, doanh nghiệp có thể thấy nhu cầu tăng giảm vốn cố định trong năm kế hoạch, khả năng tài chính để đáp ứng nhu cầu đó. Vì kế hoạch khấu hao là một căn cứ quan trọng để doanh nghiệp xem xét, lựa chọn quyết định đầu t- đổi mới TSCĐ trong t- ơng lai.

Để lập đ- ợc kế hoạch khấu hao TSCĐ, doanh nghiệp th- ờng tiến hành theo trình tự nội dung sau:

+ Xác định phạm vi TSCĐ phải tính khấu hao và tổng nguyên giá TSCĐ phải tính khấu hao đầu kỳ kế hoạch.

Doanh nghiệp phải dựa vào những quy định hiện hành.

Về nguyên tắc KHTSCĐ doanh nghiệp phải tiến hành triển khai từ quý 4 năm báo cáo do đó:

- Tổng nguyên giá TSCĐ hiện có ở đầu kỳ kế hoạch:

$$TNG_{đ} = TNG_{30/9} + NG_{t4} - NG_{g4}$$

- Nguyên giá TSCĐ phải tính khấu hao đầu kỳ.

$$TNG_{đk} = TNG_{k30/9} + NG_{tk4} - NG_{gt4}$$

Trong đó:

$TNG_{đ}$: Tổng nguyên giá TSCĐ hiện có đầu kỳ.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

TNG_{30/9}: Tổng nguyên giá TSCĐ tại thời điểm 30/9 năm báo cáo.

NG_{t4}: Nguyên giá TSCĐ tăng quý 4 năm báo cáo.

NG_{g4}: Nguyên giá TSCĐ giảm quý 4 năm báo cáo.

TNG_{dk}: Tổng nguyên giá TSCĐ phải tính khấu hao đầu kỳ.

TNG_{k30/9}: Tổng nguyên giá TSCĐ tại thời điểm 30/9 năm báo cáo.

NG_{tk4}: Tổng nguyên giá TSCĐ tăng phải tính khấu hao quý 4 năm báo cáo

NG_{gt4}: Tổng nguyên giá TSCĐ giảm phải tính khấu hao quý 4 năm báo

+ Xác định giá trị TSCĐ bình quân tăng giảm trong kỳ kế hoạch và nguyên giá bình quân TSCĐ phải trích khấu hao trong kỳ.

Dựa vào các kế hoạch đầu t- và xây dựng năm kế hoạch để xác định nguyên giá TSCĐ bình quân tăng phải tính khấu hao và bình quân giảm thôi không tính khấu hao. Tuy nhiên, việc tính toán phải đ- ợc thực hiện theo ph- ong pháp bình quân gia quyền vì việc tăng giảm TSCĐ th- ờng diễn ra ở nhiều thời điểm khác nhau và thời gian tăng giảm TSCĐ đ- a vào tính toán phải đ- ợc thực hiện theo quy định hiện hành là tính chẵn cả tháng.

Nguyên giá bình quân tăng TSCĐ cần trích khấu hao và bình quân giảm thôi không tính khấu hao trong kỳ đ- ợc xác định theo công thức:

$$NG_{tk} = \frac{\sum_{i=1}^n (NG_{tix} Tsd)}{12}$$

và

$$NG_{gt} = \frac{\sum_{i=1}^n [NG_{gix}(12 - Tsd)]}{12}$$

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

Trong đó:

NG_{tk} : Nguyên giá bình quân TSCĐ tăng trong kỳ phải tính khấu hao.

NG_{ti} : Nguyên giá bình quân TSCĐ thứ i tăng trong kỳ phải tính khấu hao.

NG_{gt} : Nguyên giá bình quân TSCĐ giảm trong kỳ thôi tính khấu hao.

NG_{gi} : Nguyên giá bình quân TSCĐ thứ i giảm trong kỳ thôi tính khấu hao.

T_{sd} : Số tháng doanh nghiệp sử dụng TSCĐ .

+ Xác định nguyên giá TSCĐ tăng trong kỳ.

$$\text{Xác định theo: } NG_t = \sum_{i=1}^n NG_{ti}$$

+ Xác định nguyên giá TSCĐ giảm trong kỳ.

$$\text{Xác định theo: } NG_g = \sum_{i=1}^n NG_{gi}$$

Tổng nguyên giá TSCĐ bình quân phải tính khấu hao trong kỳ theo công thức:

$$TNG_{KH} = TNG_{dk} + NG_{tk} - NG_{gt}$$

Trong đó:

TNG_{KH} : Tổng nguyên giá TSCĐ bình quân phải tính khấu hao trong kỳ.

TNG_{dk} : Tổng nguyên giá TSCĐ bình quân phải tính khấu hao đầu kỳ

NG_{tk} : Tổng nguyên giá TSCĐ tăng trong kỳ phải tính khấu hao

NG_{gt} : Tổng nguyên giá TSCĐ giảm trong kỳ thôi không phải tính khấu hao

+ Xác định mức khấu hao bình quân hàng năm.

Sau khi xác định đ- ợc nguyên giá bình quân TSCĐ phải tính khấu hao trong kỳ, sẽ căn cứ vào tỷ lệ khấu hao bình quân đã đ- ợc xác định, đã đ- ợc cơ quan quản lý tài chính cấp trên đồng ý. Doanh nghiệp sẽ tính mức khấu hao bình quân trong năm nh- sau:

Assignmenthelp1103@gmail.com – 0906.20.6556

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

$$\overline{M_{KH}} = \overline{TNG_{KH}} \times \overline{T_{KH}}$$

Trong đó:

$\overline{TNG_{KH}}$: Tổng nguyên giá TSCĐ phải tính khấu hao trong kỳ.

$\overline{M_{KH}}$: Mức khấu hao bình quân hàng năm.

$\overline{T_{KH}}$: Tỷ lệ khấu hao bình quân hàng năm.

Tùy mỗi loại hình sản xuất và ph- ơng pháp tính khấu hao theo năm, tháng... hoặc theo sản phẩm mà doanh nghiệp đã lựa chọn để tiến hành tính toán cho phù hợp.

1.3.4. Quản lý công tác kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ .

Trong doanh nghiệp, việc kiểm kê tài sản nói chung và TSCĐ nói riêng là công tác quan trọng trong việc quản lý sử dụng TSCĐ tại doanh nghiệp . Căn cứ vào tài liệu của đợt kiểm kê để có tài liệu đối chiếu giữa số thực tế với số trên sổ sách, qua đó xác định nguyên nhân gây ra số chênh lệch, xác định ng- ời có trách nhiệm về tình hình mất mát, h- hỏng... cũng nh- phát hiện những đơn vị, cá nhân giữ gìn, sử dụng tốt TSCĐ, đồng thời báo cáo lên cấp trên về tình hình đã phát hiện ra để có những kiến nghị và giải quyết nhất là đối với tr- ờng hợp thừa TSCĐ.

Nh- vậy, thông qua công tác kiểm kê TSCĐ đã giúp cung cấp số liệu về chủng loại của TSCĐ vừa tạo điều kiện để nắm vững tình hình chất l- ượng chung trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp phải có kế hoạch cụ thể để tiến hành việc kiểm kê hàng năm. Bởi vì nhiều kết quả của việc kiểm tra vào lúc này cho phép doanh nghiệp có tài liệu chính xác trong việc lập ra kế hoạch năm tới.

Ngoài việc kiểm kê TSCĐ, doanh nghiệp còn tiến hành việc đánh giá lại TSCĐ. Trong quá trình sử dụng lâu dài các TSCĐ có thể tăng năng lực sản xuất của xã hội và việc tăng năng suất lao động đ- ơng nhiên sẽ làm giảm giá trị TSCĐ tái sản xuất, từ đó mà không tránh đ- ợc sự khác biệt giữa giá trị ban đầu

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

của TSCĐ với giá trị khôi phục của nó. Nội dung của việc đánh giá lại TSCĐ là việc xác định thống nhất theo giá hiện hành của TSCĐ. Có nh- vậy thì mới xác định đ- ợc hợp lý mức khấu hao nhằm hạch toán và tính giá thành sản phẩm đ- ợc đúng đắn và nh- vậy việc tính toán các hiệu quả về tài chính mới đ- ợc chính xác.

Công tác đánh giá lại TSCĐ rất phức tạp, nó đòi hỏi trình độ cán bộ, thời gian ... cần thiết. Vì vậy, khi tiến đánh giá lại TSCĐ cần phải thực hiện nghiêm túc, chính xác thì mới đem lại quyền lợi cho bản thân doanh nghiệp.

Tóm lại, kiểm kê định kỳ TSCĐ và đối chiếu số l- ợng thực tế với số l- ợng trên sổ sách hạch toán kế toán và thống kê, xác định giá trị hiện còn của TSCĐ có tác dụng quan trọng đối với vấn đề quản lý TSCĐ.

1.4. NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP.

1.4.1 . Hiệu quả sử dụng tài sản.

Khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, mục tiêu của bất cứ một doanh nghiệp nào cũng là nhằm tối đa hoá giá trị tài sản của chủ sở hữu, do vậy mà việc sử dụng tài sản một cách có hiệu quả tức là kinh doanh đạt tỷ suất lợi nhuận cao.

Hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp là phạm trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác, sử dụng tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nhằm mục tiêu sinh lợi tối đa. Các doanh nghiệp đều cố gắng sao cho tài sản đ- ợc đ- a vào sử dụng hợp lý để kiếm lợi cao nhất đồng thời luôn tìm các nguồn tài trợ, tăng TSCĐ hiện có để mở rộng sản xuất kinh doanh cả về chất và l- ợng, đảm bảo các mục tiêu mà doanh nghiệp đề ra.

1.4.2. Ý nghĩa.

TSCĐ là t- liệu lao động quan trọng để tạo ra sản phẩm sản xuất đặc biệt là trong thời kỳ tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ hiện nay, máy móc đang dần thay thế cho rất nhiều công việc mà tr- ớc đây cần có con ng- ời. điều này cho

Assignmenthelp1103@gmail.com – 0906.20.6556

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

thấy việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ sẽ góp phần đáng kể đem lại hiệu quả kinh tế cao cho các doanh nghiệp.

- Tr- ớc hết nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ sẽ góp phần làm tăng doanh thu cũng đồng thời tăng lợi nhuận. Do nâng cao hiệu quả sử dụng hiệu quả máy móc thiết bị tức là máy móc thiết bị đã đ- ợc tận dụng năng lực, TSCĐ đ- ợc trang bị hiện đại phù hợp đúng mục đích đã làm cho số l- ợng sản phẩm sản xuất ra nhiều hơn, phong phú hơn nh- vậy doanh thu của doanh nghiệp sẽ tăng theo. Doanh thu tăng lên kết hợp với chi phí sản xuất giảm do tiết kiệm đ- ợc nguyên, nhiên vật liệu và các chi phí quản lý khác đã làm cho lợi nhuận của doanh nghiệp tăng lên so với tr- ớc kia.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ sẽ nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp: Muốn có TSCĐ thì doanh nghiệp cần có vốn. Khi hiệu quả sử dụng TSCĐ cao thì có nghĩa là doanh nghiệp đã làm cho đồng vốn đầu t- sử dụng có hiệu quả và sẽ tạo cho doanh nghiệp một uy tín tốt để huy động vốn. Bên cạnh đó khi hiệu qur sử dụng TSCĐ cao thì nhu cầu vốn cố định sẽ giảm đi, do đó sẽ cần ít vốn hơn để đáp ứng nhu cầu kinh doanh nhất định, kể đó sẽ làm giảm chi phí cho sử dụng nguồn vốn, tăng lợi thế cạnh tranh về chi phí. Việc tiết kiệm về vốn nói chung và vốn cố định nói riêng là rất ý nghĩa trong điều kiện thiếu vốn nh- hiện nay.

- TSCĐ đ- ợc sử dụng hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp bảo toàn và phát huy vốn tốt nhất (đây là nghĩa vụ của doanh nghiệp để bảo vệ lợi ích của nhà n- ớc về vốn đã đầu t- , là điều kiện để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, tăng thu nhập cho ng- ời lao động và làm nghĩa vụ với ngân sách Nhà n- ớc) do tận dụng đ- ợc công suất máy móc, sắp xếp dây chuyền sản xuất hợp lý hơn, vấn đề khấu hao TSCĐ, trích lập quỹ khấu hao... đ- ợc tiến hành đúng đắn, chính xác.

- Ngoài ra việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ còn tăng sức cạnh tranh cho doanh nghiệp trên thị tr- ờng. Sức cạnh tranh của doanh nghiệp phụ thuộc vào lợi

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong đó có lợi thế về chi phí và tính khác biệt của sản phẩm.

- TSCĐ đ- ợc sử dụng có hiệu quả làm cho khối l- ợng sản phẩm tạo ra tăng lên, chất l- ợng sản phẩm cũng tăng do máy móc thiết bị có công nghệ hiện đại, sản phẩm nhiều chủng loại đa dạng, phong phú đồng thời chi phí của doanh nghiệp cũng giảm và nh- vậy tạo nên lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Tóm lại, việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ có ý nghĩa quan trọng không những giúp cho doanh nghiệp tăng đ- ợc lợi nhuận (là mục tiêu hàng đầu của doanh nghiệp) mà còn giúp doanh nghiệp bảo toàn và phát triển vốn cố định, tăng sức mạnh tài chính, giúp doanh nghiệp đổi mới, trang bị thêm nhiều TSCĐ hiện đại hơn phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tăng sức cạnh tranh cho doanh nghiệp trên thị tr- ờng.

1.4.3. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ.

Kiểm tra tài chính hiệu quả sử dụng TSCĐ là một nội dung quan trọng trong hoạt động tài chính doanh nghiệp. Thông qua việc kiểm tra tài chính doanh nghiệp có đ- ợc những căn cứ xác đáng để đ- a ra các quyết định về mặt tài chính nh- điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn đầu t- , đầu t- mới hay hiện đại hoá TSCĐ, về các biện pháp khai thác năng lực sản xuất của TSCĐ hiện có, nhờ đó nâng cao đ- ợc hiệu quả sử dụng TSCĐ. Thông th- ờng ng- ời ta sử dụng các chỉ tiêu sau đây để đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ của các doanh nghiệp.

a/ Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng TSCĐ.

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}{\text{TSCĐ bình quân}} \times 100\%$$

Trong đó:

$$\text{TSCĐ bình quân} = 1/2 (\text{Giá trị TSCĐ đầu kỳ} + \text{Giá trị TSCĐ ở cuối kỳ}).$$

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

- □ nghĩa: Chỉ tiêu này phản ánh một đồng TSCĐ trong kỳ tạo ra đ-ợc bao nhiêu đồng doanh thu hoặc doanh thu thuần. Hiệu suất càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng TSCĐ càng cao.

b/ Chỉ tiêu lợi nhuận ròng trên TSCĐ.

$$\text{- Lợi nhuận ròng trên TSCĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{TSCĐ bình quân}} \times 100\%$$

Trong đó:

- Lợi nhuận ròng là chênh lệch giữa thu nhập và chi phí mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ sau khi trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp. Chú ý ở đây muốn đánh giá chính xác hiệu quả sử dụng TSCĐ thì lợi nhuận ròng chỉ bao gồm phần lợi nhuận do có sự tham gia trực tiếp của TSCĐ tạo ra. Vì vậy phải loại bỏ lợi nhuận từ các hoạt động khác.

- □ nghĩa: Cho biết một đồng TSCĐ sử dụng trong kỳ tạo ra đ-ợc bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng. Giá trị này càng lớn càng tốt.

c/ Hệ số trang bị máy móc thiết bị cho công nhân trực tiếp sản xuất:

$$\text{Hệ số trang bị máy móc, thiết bị cho sản xuất} = \frac{\text{Giá trị của máy móc, thiết bị}}{\text{Số l-ợng công nhân trực tiếp sản xuất}}$$

- □ nghĩa: Chỉ tiêu này phản ánh giá trị TSCĐ bình quân trang bị cho một công nhân trực tiếp sản xuất. Hệ số càng lớn phản ánh mức độ trang bị TSCĐ cho sản xuất của doanh nghiệp càng cao.

d/ Tỷ suất đầu t- TSCĐ.

$$\text{- Tỷ suất đầu t- TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

- □ nghĩa: Chỉ tiêu này phản ánh mức độ đầu t- vào TSCĐ trong tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp. Nói cách khác một đồng giá trị tài sản của doanh nghiệp có bao nhiêu đồng đ- ợc đầu t- vào TSCĐ. Tỷ suất càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp đã chú trọng đầu t- vào TSCĐ.

a/ Kết cấu TSCĐ của doanh nghiệp

Căn cứ vào kết quả phân loại, có thể xây dựng hàng loạt các chỉ tiêu kết cấu TSCĐ của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu này đều đ- ợc xây dựng trên nguyên tắc chung là tỷ số giữa giá trị của một loại, một nhóm TSCĐ với tổng giá trị TSCĐ tại thời điểm kiểm tra. Các chỉ tiêu này phản ánh thành phần và quan hệ tỷ lệ các thành phần trong tổng số TSCĐ hiện có để giúp ng- ời quản lý điều chỉnh lại cơ cấu TSCĐ, nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

Việc tính toán các chỉ tiêu và phân tích một cách chính xác chúng sẽ giúp cho doanh nghiệp đ- a ra đ- ợc những quyết định tài chính đúng đắn, tránh lãng phí, đảm bảo tiết kiệm, tận dụng đ- ợc năng xuất làm việc của TSCĐ đó nh- vậy việc sử dụng TSCĐ mới đạt hiệu quả cao.

1.4.4. Các nhân tố ảnh h- ưởng đến việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

1.4.4.1. Các nhân tố khách quan.

a/ Chính sách và cơ chế quản lý của Nhà n- ớc.

Trên cơ sở pháp luật kinh tế và các biện pháp kinh tế, nhà n- ớc tạo môi tr- ờng và hành lang pháp lý h- ớng dẫn cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong chế độ, chính sách hiện hành đều chi phối các mảng hoạt động của doanh nghiệp. Đối với việc quản lý và sử dụng TSCĐ thì các văn bản về đầu t- , tính khấu hao, ... sẽ quyết định khả năng khai thác TSCĐ.

b/ Thị tr- ờng và cạnh tranh.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

Doanh nghiệp sản xuất ra sản phẩm là để đáp ứng nhu cầu thị trường. Hiện nay trên thị trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề, giữa các sản phẩm ngày càng gay gắt do vậy các doanh nghiệp đều phải nỗ lực để tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm của mình như tăng chất lượng, hạ giá thành mà điều này chỉ xảy ra khi doanh nghiệp tích cực nâng cao hàm lượng kỹ thuật trong sản phẩm. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có kế hoạch đầu tư cải tạo, đầu tư mới TSCĐ trước mắt cũng như lâu dài, nhất là những doanh nghiệp hoạt động trong thị trường cạnh tranh cao, tốc độ phát triển công nghệ nhanh như ngành kiến trúc, thiết kế, thi công xây dựng,...

Ngoài ra lãi suất tiền vay cũng là nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng TSCĐ. Vì lãi suất tiền vay ảnh hưởng đến chi phí đầu tư của doanh nghiệp khi lãi suất thay đổi thì nó sẽ kéo theo những biến đổi cơ bản của đầu tư mua sắm thiết bị.

c/ Các yếu tố khác.

Bên cạnh những nhân tố trên thì còn có nhiều nhân tố khác có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng TSCĐ mà được coi là những nhân tố bất khả kháng như thiên tai, địch họa,... Mức độ tổn hại về lâu dài hay tức thời là hoàn toàn không thể biết trước, chỉ có thể dự phòng trước nhằm giảm nhẹ ảnh hưởng mà thôi.

1.4.4.2 .Các nhân tố chủ quan.

Đây là các nhân tố chủ yếu quyết định đến hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp. Nhóm nhân tố này tác động trực tiếp đến kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trước mắt cũng như lâu dài, do vậy việc nghiên cứu các nhân tố này là rất quan trọng thông thường nên ta xem xét những yếu tố sau:

a/ Ngành nghề kinh doanh.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

Nhân tố này tạo ra điểm xuất phát cho doanh nghiệp cũng như định hướng cho nó trong suốt quá trình tồn tại. Với ngành nghề kinh doanh đã chọn sẽ ảnh hưởng đến việc quyết định của doanh nghiệp như cơ cấu tài sản được đầu tư như thế nào, mức độ hiện đại hoá chúng ra sao. Nguồn tài trợ cho những TSCĐ đó được huy động từ đâu, có đảm bảo lâu dài cho sự hoạt động an toàn của doanh nghiệp hay không?

b/ Đặc điểm về kỹ thuật sản xuất kinh doanh.

Các đặc điểm riêng về kỹ thuật sản xuất kinh doanh tác động đến một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng TSCĐ như hệ số đổi mới máy móc thiết bị, hệ số sử dụng về thời gian công suất. Nếu kỹ thuật sản xuất giản đơn thì doanh nghiệp sẽ luôn phải đối phó với các đối thủ cạnh tranh với yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm.

c/ Trình độ tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, hạch toán nội bộ của doanh nghiệp.

Nếu trình độ tổ chức quản lý, kinh doanh của doanh nghiệp tốt thì TSCĐ được khi đưa vào sử dụng cho mục đích gì và sử dụng ra sao đã có sự nghiên cứu được một cách kỹ lưỡng và trong quá trình sản xuất kinh doanh tình hình sử dụng TSCĐ luôn được theo dõi một cách thường xuyên và có những thay đổi kịp thời để tránh lãng phí. Vì vậy quy trình tổ chức quản lý sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp để đưa ra những kết luận đúng đắn về tình hình sử dụng TSCĐ từ đó đưa ra những đề xuất về biện pháp giải quyết những tồn tại để TSCĐ được sử dụng một cách hiệu quả hơn nữa.

d/ Trình độ lao động và ý thức trách nhiệm.

Để phát huy được hết khả năng của dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh đòi hỏi trình độ quản lý và sử dụng máy móc của người lao động phải được nâng cao thì mới vận hành được chúng. Ngoài trình độ tay nghề, đòi hỏi cán bộ lao động trong doanh nghiệp phải luôn có ý

Assignment Supporting Group
<http://assignmentsupporting.com>

thức trách nhiệm trong việc giữ gìn, bảo quản tài sản. Có nh- vậy, TSCĐ mới duy trì công suất cao trong thời gian dài và đ- ợc sử dụng hiệu quả hơn khi tạo ra sản phẩm.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HIỆN QUẢ SẢN DUNG TSCỐ TẠI CÔNG TY CAO
SU SAO VÀNG HÀ NỘI

2.1- TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CAO SU SAO VÀNG.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.

Do tầm quan trọng của công nghiệp cao su trong nền kinh tế quốc dân nên ngay sau khi miền Bắc giải phóng (tháng 10/1954) ngày 7/10/1956 x- ởng đắp vá sảm lốp ôtô đ- ợc thành lập tại số 2 phố Đặng Thái Thân (nguyên là x- ởng Indoto của quân đội Pháp) và bắt đầu hoạt động vào tháng 11/1956; đến đầu năm 1960 thì sát nhập vào nhà máy Cao su Sao Vàng.

Trong kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế 3 năm (1958-1960), theo chủ tr- ợng của Đảng và Nhà n- ớc ta, Nhà máy Cao su Sao Vàng đ- ợc khởi công xây dựng ngày 22/12/1958 trong tổng thể khu công nghiệp Th- ợng Đình (gồm 3 nhà máy : Cao su - Xà phòng -Thuốc lá). Toàn bộ quá trình xây dựng nhà x- ởng, lắp đặt thiết bị, đào tạo cán bộ, công nhân đ- ợc tiến hành đồng thời và cơ bản hoàn thành sau 13 tháng. Ngày 6/4/1960 nhà máy tiến hành sản xuất thử và những sản phẩm sảm lốp xe đạp đầu tiên ra đời mang nhãn hiệu “ Sao vàng “. Cũng từ đó nhà máy mang tên: NHÀ MÁY CAO SU SAO VÀNG.

Ngày 23/5/1960 nhà máy chính thức khánh thành. Hàng năm lấy ngày này làm ngày truyền thống, ngày kỷ niệm thành lập nhà máy.

Từ khi chuyển sang nền kinh tế thị tr- ờng, nhà máy Cao su Sao Vàng đã có những b- ớc tiến đáng kể trong qua trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Từ năm 1991 đến nay, Nhà máy đã khẳng định đ- ợc vị trí của mình: là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có doanh thu và các khoản phải nộp Ngân sách năm sau cao hơn năm tr- ớc, thu nhập của ng- ời lao động dần dần đ- ợc nâng cao và đời sống ngày càng đ- ợc cải thiện.

Assignment Supporting Group
<http://assignmentsupporting.com>

Từ những thành tích trên nên ngày 27/8/1992- Theo quyết định số: 645/CNNg của Bộ công nghiệp nặng đổi tên Nhà máy Cao su Sao Vàng thành Công ty Cao su Sao Vàng. Ngày 1/1/1993 nhà máy chính thức sử dụng con dấu mang tên Công ty Cao su Sao Vàng. Tiếp đến ngày 5/5/1993, theo QĐ/TCNSĐT của Bộ công nghiệp nặng cho thành lập lại doanh nghiệp Nhà n-ớc. Để chuyên môn hoá đổi t-ợng quản lý ngày 20/12/1996 phê chuẩn điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam. Theo văn bản này Công ty Cao su Sao Vàng đặt d-ới sự quản lý trực tiếp của Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam.

Có thể nói quyết định chuyển đổi Nhà máy thành Công ty đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Khi chuyển thành Công ty thì cơ cấu tổ chức sẽ lớn hơn, các phân x-ởng tr-ớc đây chuyển thành xí nghiệp. Về mặt kinh doanh, công ty đã cho phép các xí nghiệp có quyền hạn rộng hơn đặc biệt trong quan hệ đối ngoại. Công ty có quyền ký kết các hợp đồng mua, bán nguyên vật liệu, liên doanh trong sản xuất và bán các sản phẩm với các đơn vị n-ớc ngoài.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây.

Trải qua nhiều khó khăn trong quá trình xây dựng và phát triển, hiện nay Công ty là một trong những đơn vị kinh tế quốc doanh làm ăn có hiệu quả của Hà Nội, xứng đáng là con chim đầu đàn của ngành chế phẩm cao su trong cả n-ớc. Công ty đã có một cơ ngơi với quy mô lớn, khang trang, bề thế. Trong những năm gần đây, nhìn vào các chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thật đáng khích lệ, nó phản ánh một sự tăng tr-ởng lành mạnh, ổn định và tiến bộ.

Số liệu trong 7 năm (1994 — 2000) đ-ợc thể hiện ở bảng sau:

Assignment Supporting Group
<http://assignmentsupporting.com>

Bảng 2.1: Kết quả sản xuất của Công ty từ năm 1994 đến năm 2000

Chỉ tiêu	Năm 1994	Năm 1995	Năm 1996	Năm 1997	Năm 1998	Năm 1999	Năm 2000
Giá trị tổng sản l- ợng (tr)	37.750	45.900	133.186	191.085	241.139	280.550	332.894
Tổng doanh thu tiêu thụ (tr)	110.928	138000	164.495	233.824	286.742	274.456	335.740
Nộp ngân sách (tr)	6.375	6.910	8.413	12.966	17.468	18.765	19.650
Thu nhập bình quân đầu ng- ời (đ/ng/th)	585.000	620.000	680.000	1.200.000	1.250.000	1.310.000	1.391.000

(Nguồn: Phòng tổ chức)

2.1.2-Bộ máy quản lý.

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức.

Ta có thể biểu thị cơ cấu tổ chức của Công ty thông qua sơ đồ sau:

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

2.1.2.2. Chức năng của tổ chức quản lý:

Là một doanh nghiệp nhà nước, công ty Cao su Sao vàng tổ chức bộ máy quản lý theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Công đoàn tham gia quản lý, Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Đứng đầu là ban giám đốc công ty gồm có 6 người.

- Giám đốc công ty: Chịu trách nhiệm toàn bộ về hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty.

- Phó giám đốc kỹ thuật: Có trách nhiệm giúp giám đốc về mặt kỹ thuật, phụ trách khối kỹ thuật.

- Phó giám đốc sản xuất: Giúp giám đốc về mặt sản xuất, phụ trách khối sản xuất.

- Phó giám đốc kinh doanh: Giúp giám đốc lãnh đạo về mặt kinh doanh, phụ trách khối kinh tế.

- Phó giám đốc xuất nhập khẩu: Giúp giám đốc quản lý các hoạt động kinh doanh với nước ngoài.

- Phó giám đốc xây dựng cơ bản: Phụ trách khối sửa chữa và xây dựng cơ bản các dự án đầu tư theo chiều sâu và rộng, theo kế hoạch.

Cả 5 phó giám đốc đều có quyền hạn riêng theo mảng phụ trách riêng nhưng chịu sự quản lý chung của giám đốc.

+ Bí thư Đảng ủy: Thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng trong công ty thông qua văn phòng Đảng ủy.

+ Chủ tịch công đoàn: Có trách nhiệm cùng giám đốc quản lý lao động trong công ty thông qua văn phòng Công đoàn.

Các phòng ban chức năng: Được tổ chức theo yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty, đứng đầu là các trưởng phòng và phó trưởng phòng. Chịu sự

Assignment Supporting Group

<http://assignmentsupporting.com>

lãnh đạo trực tiếp của Ban Giám đốc và đồng thời cũng có vai trò trợ giúp Giám đốc chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh thông suốt.

2.1.2.3. Chức năng của các tổ chức sản xuất.

Quá trình sản xuất các sản phẩm của Công ty Cao su Sao vàng đ- ợc tổ chức thực hiện ở 4 Xí nghiệp sản xuất chính, Chi nhánh Cao su Thái Bình, Nhà máy Pin - Cao su Xuân Hoà, Nhà máy Cao su Nghệ An và một số Xí nghiệp phụ trợ.

- Xí nghiệp cao su số 1: Chuyên sản xuất lốp xe đạp, lốp xe máy băng tải, gioăng cao su, dây curoa, cao su chống ăn mòn, ống cao su.
- Xí nghiệp cao su số 2: Chuyên sản xuất lốp xe đạp các loại, ngoài ra còn có phân x- ởng sản xuất tanh xe đạp.
- Xí nghiệp cao su số 3: Chủ yếu sản xuất xăm lốp ô tô, xe máy , sản xuất thử nghiệm lốp máy bay dân dụng.
- Xí nghiệp năng lượng: Có nhiệm vụ cung cấp hơi nén, hơi nóng và nước cho đơn vị sản xuất kinh doanh chính, cho toàn bộ Công ty.
- Xí nghiệp cơ điện: Có nhiệm vụ cung cấp điện máy, lắp đặt, sửa chữa về điện cho các Xí nghiệp và toàn Công ty.
- Xí nghiệp dịch vụ thương mại: Có nhiệm vụ tiêu thụ các sản phẩm của Công ty sản xuất ra.
- Phân xưởng kiến thiết nội bộ và vệ sinh công nghiệp: Có nhiệm vụ xây dựng và kiến thiết nội bộ sửa chữa các tài sản cố định và làm sạch các thiết bị máy móc.
- Chi nhánh cao su Thái Bình : Chuyên sản xuất một số loại xăm lốp xe đạp (phần lớn là xăm lốp xe thô) nằm trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
- Nhà máy Pin - Cao su Xuân Hoà: Có nhiệm vụ sản xuất Pin khô mang nhãn hiệu con sóc, ắc quy, điện cực, chất điện hoá học và một số thiết bị điện nằm tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Assignment Supporting Group

<http://assignmentssupporting.com>

• Nhà máy Cao su Nghệ An: Sản xuất xăm lốp xe đạp, xe máy, lốp xe máy, ô tô, pin các loại, gioăng cao su, đồ cao su... Nằm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Nhìn chung về mặt tổ chức, các Xí nghiệp, phân x- ởng đều có một Giám đốc Xí nghiệp hay một Giám đốc phân x- ởng phụ trách về việc cung cấp nguyên vật liệu và nhập kho sản phẩm hoàn thành. Ngoài ra còn có các Phó giám đốc Xí nghiệp hay Phó quản đốc phân x- ởng trợ giúp việc điều hành, phụ trách sản xuất, phân công ca kíp, số công nhân đứng máy, chấm công...

Các Xí nghiệp, phân x- ởng đều có kế toán, thủ kho riêng và kiểm nghiệm. Ngoài các Xí nghiệp chính và phụ, Công ty còn có các đội vận chuyển, bốc dỡ, xe vận tải và dịch vụ... Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ của mình.

2.2. THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ TẠI CÔNG TY.

2.2.1. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

Để đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ tại doanh nghiệp và có những giải pháp đúng đắn, ng- ời ta căn cứ vào tình hình tài chính và kết quả kinh doanh có liên quan đến hiệu quả sử dụng TSCĐ nh- tổng tài sản, nguồn vốn, quy mô vốn chủ sở hữu, doanh thu, lợi nhuận... của doanh nghiệp.

Trong 3 năm 1999, 2000, 2001 Công ty Cao su Sao Vàng đã đạt đ- ợc một số kết quả cụ thể nh- sau:

- Bảng sau đây sẽ cho ta thấy cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Công ty thay đổi nh- thế nào qua các năm.

Assignment Supporting Group
<http://assignmentsupporting.com>

Bảng 2.2 : Kết cấu tài sản, nguồn vốn của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 1999	Năm 2000	Năm 2001
Tổng tài sản	265.629.240.829	305.780.029.037	336.154.233.279
TSLĐ và đầu t- ngắn hạn	113.360.787.136	127.376.329.235	141.400.671.895
TSCĐ và đầu t- dài hạn	152.268.453.693	178.403.699.802	194.753.561.384
Tổng nguồn vốn	265.629.240.829	305.780.029.037	336.154.233.279
Nợ phải trả	174.057.471.649	214.132.089.402	244.767.537.166
Nguồn vốn chủ sở hữu	91.571.769.180	91.647.939.635	91.386.696.113

(Nguồn: Trích trong báo cáo tài chính 3 năm 1999, 2000, 2001)

- Kết quả kinh doanh của Công ty:

Bảng 2.3: Kết quả kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 1999	Năm 2000	Năm 2001
Tổng doanh thu	275.435.596.303	334.761.353.918	341.461.441.114
Doanh thu thuần	271.969.851.064	334.453.064.783	340.328.224.107
Lợi nhuận sau	2.201.998.677	1.690.779.749	701.117.053

Assignment Supporting Group
<http://assignmentsupporting.com>

thuế			
------	--	--	--

(Nguồn : Báo cáo tài chính năm 1999, 2000, 2001)

Qua những số liệu trên cho ta tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty biến chuyển theo chiều hướng tiêu cực. Doanh thu thuần của Công ty năm 2000 so với năm 1999 tăng 22,97% nhưng năm 2001 so với năm 2000 chỉ tăng 1,75%. Như vậy mức tăng trưởng giảm đi 21,22%. Lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm mạnh qua 3 năm. Đây là những biểu hiện cho thấy tình hình kinh doanh giảm sút của Công ty trong những năm gần đây. Kết quả này phản ánh một phần hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty.

2.2.2. Thực trạng công tác quản lý sử dụng và hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty.

2.2.2.1. Cơ cấu, biến động của TSCĐ tại Công ty.

a/ Cơ cấu.

Do đặc điểm sản xuất của Công ty là được tiến hành ở các cơ sở tách biệt nhau, như mặc dù sản phẩm của Công ty rất đa dạng (có trên 100 mặt hàng) nhưng mỗi xí nghiệp tham gia một hay nhiều loại sản phẩm thì tất cả các sản phẩm đều được sản xuất từ cao su. Vì vậy, quy trình công nghệ nhìn chung tương đối giống nhau.

Hiện nay TSCĐ trong Công ty Cao su Sao Vàng được phân loại theo hình thái biểu hiện và công dụng kinh tế.

Trong đó :

- Tài sản ch- a dùng, không dùng : 9.266.329.929.
- Tài sản hết khấu hao : 29.709.429.786.
- Tài sản chờ thanh lý : 240.557.000.

Căn cứ vào bảng trên ta thấy, cơ cấu TSCĐHH của Công ty Cao su Sao Vàng theo công dụng kinh tế như sau:

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

Các loại máy móc thiết bị là TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng trưởng đối từ đầu năm đến cuối năm. Điều này phản ánh sức tăng năng lực sản xuất của Công ty. Nguyên giá TSCĐ thực tế tăng 25.976.818.527 đ trong khi đó riêng nguyên giá máy móc thiết bị tăng 21.857.802.486 đ (chiếm 84% tăng TSCĐ)

Giá trị thiết bị máy móc tăng gần nh- chiếm hết số vốn tăng trong kỳ. Điều này chứng tỏ Công ty đã quan tâm sửa đổi lại cơ cấu bất hợp lý ở đầu kỳ. Nhiệm kỳ sản xuất Công ty đã có điều kiện thực hiện tốt hơn do có nhiều máy móc mới đ- ợc trang bị.

Đi sâu nghiên cứu TSCĐ tăng trong kỳ, điều đáng quan tâm là số vốn mới huy động tăng nhiều nhất chiếm trên 94% trong đó TSCĐ là thiết bị máy móc chiếm 83,2% số vốn mới huy động. Công ty đã cố gắng kịp thời huy động vốn phục vụ cho sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất trong kỳ.

Ngoài việc tăng thêm TSCĐ trong kỳ cũng phát sinh việc giảm TSCĐ. Ta nhận thấy tổng giá trị TSCĐ bị loại bỏ so với TSCĐ có ở đầu kỳ chiếm 0,5% trong đó hệ số loại bỏ của máy móc thiết bị chiếm 0,4%. Nh- vậy TSCĐ bị loại bỏ chủ yếu là các loại máy móc thiết bị do đã h- hỏng, hết thời hạn sử dụng.

Nhìn vào cơ cấu TSCĐHH của Công ty ta thấy phần tăng lên của TSCĐ chủ yếu là máy móc thiết bị phục vụ sản xuất trực tiếp còn lại là thiết bị quản lý, nhà cửa... tăng không đáng kể nghĩa là đ- ợc duy trì ở mức đủ t- ơng đối cho hoạt động quản lý. Còn về phần giảm đi của TSCĐ chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng giá trị TSCĐ lúc đầu kỳ và do TSCĐ của Công ty chủ yếu là máy móc thiết bị và đ- ợc sử dụng th- ờng xuyên nhất nên tỷ lệ loại bỏ của chúng cũng phải chiếm tỷ trọng lớn hơn. Mặc dù cơ cấu TSCĐ của Công ty là mất cân đối nh- ng nó phù hợp với một doanh nghiệp sản xuất nhiều mặt hàng đa dạng nh- Công ty Cao su Sao Vàng hiện nay.

Theo cách phân loại nh- trên, ta thấy đến cuối kỳ, TSCĐ đang đ- ợc sử dụng là 213.899.870.884 chiếm 81,7%, TSCĐ ch- a sử dụng chiếm 3,1%, TSCĐ đã

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

khấu hao hết và TSCĐ chờ thanh lý chiếm 15,2%. Như vậy TSCĐ đang sử dụng chiếm một tỷ trọng lớn nhất, điều này giúp Công ty đảm bảo được nhịp độ sản xuất, số vốn dự phòng được duy trì ở mức hợp lý đối với những máy móc thiết bị chủ yếu, tránh được việc ứ đọng vốn không cần thiết. TSCĐ chờ thanh lý chiếm một tỷ trọng nhỏ chứng tỏ Công ty vẫn còn có những TSCĐ bị hỏng do sử dụng và bảo quản chưa được tốt nhưng đã cố gắng duy trì tỷ lệ hỏng hóc ở mức thấp nhất có thể.

b/ Tình hình tăng giảm nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của TSCĐ.

Nhằm nắm được tình chung về TSCĐ, cũng như tình hình tăng, giảm TSCĐ, Công ty tiến hành thành lập báo cáo kiểm kê TSCĐ và báo cáo TSCĐ hàng năm.

Trong việc xác định nguyên giá TSCĐ, Công ty đã sử dụng giá thực tế trên thị trường của các TSCĐ cùng loại.

Nghiên cứu bảng trên cho thấy:

- Qua 3 năm, Công ty liên tục đầu tư vào TSCĐ mà chủ yếu là máy móc thiết bị. Năm 1999, nguyên giá TSCĐ tăng mạnh nhất do Công ty mua rất nhiều loại máy móc thiết bị mới như máy bơm dầu, tủ điện phân phối dung lượng, ... Năm 2000, 2001 nguyên giá có tăng nhưng thấp hơn so với năm 1999 và có xu hướng giảm, đồng thời nguyên giá TSCĐ giảm đi trong năm 2001 nhiều hơn so với năm trước vì đã đến lúc nhiều máy móc thiết bị hết thời hạn sử dụng hoặc bị hỏng.

- Số hao mòn lũy kế của TSCĐ đều tăng qua 3 năm. Năm 2001 mặc dù TSCĐ tăng ít hơn và TSCĐ giảm đi nhiều hơn so với mức tăng và mức giảm tương ứng của năm 2000 và 1999 song giá trị hao mòn tăng lên lại cao hơn và giá trị hao mòn giảm đi ít hơn và làm cho số hao mòn lũy kế của năm 2001 vẫn tăng cao hơn mức tăng của các năm trước.

- Giá trị còn lại của TSCĐ phản ánh số vốn cố định hiện thời của Công ty. Giá trị này đều tăng qua 3 năm, nhưng năm 2001 so với năm 2000 tăng ít hơn mức

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

tăng của năm 2000 so với năm 1999. Đó là do năm 2000 các TSCĐ đ- ợc đầu t- với tỷ trọng lớn hơn năm 2001. Nh- vậy quy mô của vốn cố định tuy có tăng nh- ng mức tăng ngày càng có xu h- ớng giảm xuống. Điều này ảnh h- ớng đến việc nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất l- ợng sản phẩm của Công ty, làm ảnh h- ớng đến khả năng cạnh tranh trên thị tr- ờng.

- Hệ số hao mòn TSCĐ qua 3 năm 0,410; 0,412; 0,454. Qua các chỉ tiêu trên cho ta biết mức độ hao mòn của TSCĐ so với thời điểm đầu t- ban đầu hầu nh- không tăng qua 2 năm 1999, 2000 nh- ng đến năm 2001 hệ số này tăng lên 10,19% (0,454 lần) chứng tỏ các TSCĐ đ- ợc đầu t- mới nh- ng tính năng kỹ thuật đã giảm đi. Nh- vậy, tại thời điểm cuối năm 2001 năng lực thực tế của TSCĐ ch- a đ- ợc cao, điều này ảnh h- ớng đến khả năng sản xuất và cạnh tranh của Công Ty.

2.2.2.2. Ph- ơng pháp tính khấu hao.

Hiện nay Công ty đang áp dụng ph- ơng pháp khấu hao tuyến tính theo quyết định số 166/1999/QĐ - BTC ngày 30/12/1999 của Bộ tr- ờng Bộ tài chính

Thời điểm trích khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Chi phí khấu hao đ- ợc phân bổ nh- một khoản chi phí sản xuất chung vào từng phân x- ớng, theo từng mã hàng.

2.2.2.3. Tình hình quản lý sử dụng TSCĐ tại Công ty.

a/ Cơ cấu đổi mới, thay thế TSCĐ.

Trong 3 năm 1999, 2000, 2001, tổng giá trị TSCĐ mua sắm, xây dựng mới t- ơng ứng là 61.011.524.467, 44.631.976.181, 24.555.385.127. Nh- vậy qua 3 năm ta thấy, hàng năm Công ty có quan tâm đến việc đổi mới máy móc thiết bị, mua sắm, xây dựng mới một số TSCĐ khác nhằm đáp ứng cho nhu cầu sản xuất và hoạt động quản lý của Công ty đồng thời để thay thế một số thiết bị máy móc đã lỗi thời, lạc hậu, h- hỏng . Hàng năm Công ty lên kế hoạch mua sắm, đầu t-

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

mới TSCĐ theo nhu cầu và mức độ cần thiết đối với từng loại TSCĐ. Trước khi tiến hành việc đầu tư, mua sắm mới TSCĐ phòng XDCB của Công ty tiến hành thẩm định, lựa chọn phương án tối ưu nhất. Tuy nhiên tỷ trọng đầu tư mới TSCĐ có xu hướng giảm đi.

b/ Tình hình quản lý sử dụng, giữ gìn và sửa chữa TSCĐ.

Do quy mô TSCĐ của Công ty rất lớn nên mặc dù đã phân cấp quản lý đến từng nhà máy, xí nghiệp, phân xưởng nên vấn đề quản lý sử dụng TSCĐ vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Công ty đã cố gắng phát huy khả năng quản lý, ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn, bảo quản và nâng cao hiệu quả vận hành máy móc nên kết quả còn nhiều hạn chế. Hàng năm, ngoài việc đầu tư, mua sắm mới TSCĐ, Công ty còn phải bỏ ra một khoản vốn đáng kể cho việc duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa lại các TSCĐ. Trong 4 năm 1998, 1999, 2000, 2001 tổng chi phí sửa chữa TSCĐ mà Công ty đã phải chi ra lần lượt là 8.382.836.898, 3.506.279.043; 2.587.076.212; 807.462.582. Từ những con số này cho ta thấy, chi phí bỏ ra để sửa chữa lại TSCĐ của Công ty không phải là nhỏ nên trên quan điểm sử dụng có hiệu quả hơn các TSCĐ và tiết kiệm cho sản xuất, Công ty đã thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn với kinh phí ngày càng giảm đi, đặc biệt là năm 1999 giảm đi một lượng kinh phí đáng kể so với năm 1998.

c/ Tình hình khấu hao, kiểm kê TSCĐ của Công ty.

Hiện nay, hàng năm Công ty vẫn tiến hành đều đặn việc lập kế hoạch khấu hao cho năm kế hoạch. Do nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý khấu hao nên việc lập kế hoạch khấu hao được Công ty thực hiện một cách chặt chẽ nhằm thu hồi được vốn đầu tư bỏ ra ban đầu. Tuy nhiên do việc tính toán còn hạn chế nên mức độ chính xác chỉ là tương đối.

Theo định kỳ, hàng năm theo quy định của Nhà nước, Công ty tiến hành công tác kiểm kê tài sản nói chung và TSCĐ nói riêng. Điều này cho phép Công

Assignment Supporting Group

<http://assignmentsupporting.com>

ty có đ- ợc những số liệu chính xác về tình hình TSCĐ của mình, giúp cho Công ty quản lý sử dụng có hiệu quả hơn.

2.2.2.4. Hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty.

Các doanh nghiệp hiện nay luôn đầu t- mạnh vào các TSCĐ tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt đ- ợc mức sinh lợi cao.

- Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng TSCĐ cho biết một đồng TSCĐ tham gia vào sản xuất kinh doanh trong kỳ tạo đ- ợc bao nhiêu đồng doanh thu thuần, đều giảm qua 3 năm với mức 10,57% và 8,14% so với năm tr- ớc do năm 2000 doanh thu thuần tăng mạnh nh- ng giá trị bình quân TSCĐ cũng tăng không nhỏ so với năm 1999 với mức tăng là 22,97%, sang đến năm 2001, doanh thu thuần tăng rất ít là 1,75% so với năm 2000 giá trị đồng thời TSCĐ cũng tăng t- ơng đối so với năm 2000 càng làm cho hiệu suất sử dụng TSCĐ giảm đi. Điều này chứng tỏ khả năng khai thác và sử dụng TSCĐ vào sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng giảm sút.

- Chỉ tiêu hệ số trang bị máy móc, thiết bị cho công nhân trực tiếp sản xuất phản ánh mức độ trang bị máy móc thiết bị cho sản xuất của Công ty năm 2000 tăng 11,56% so với năm 1999 nh- ng đến năm 2001 hệ số này lại giảm đi 2,14% do số l- ợng công nhân trực tiếp sản xuất tăng lớn hơn mức tăng của năm 2000 trong khi đó giá trị máy móc thiết bị lại tăng ít hơn. Nh- vậy nhìn chung mức trang bị máy móc thiết bị cho sản xuất của doanh nghiệp nhìn chung là tốt nh- ng cũng đang có xu h- ớng giảm đi.

- Chỉ tiêu lợi nhuận ròng trên TSCĐ cho thấy một đồng TSCĐ sử dụng tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng của Công ty, năm 2000 so với năm 1999 tăng đáng kể từ 1,92% đến 7,66% nh- ng năm 2001 thì chỉ tiêu này lại giảm đi còn 7,38%. Những con số chỉ ra rằng việc sử dụng TSCĐ để thực hiện mục tiêu của Công ty đã có những b- ớc chuyển biến lớn so với tr- ớc đặc biệt là trong năm 2000 nh- ng lại có dấu hiệu giảm sút trong năm 2001. Điều này cần đ- ợc nghiên

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

cứ cụ thể để tìm hiểu nguyên nhân, tránh sự suy giảm liên tục trong các năm tới.

- Chỉ tiêu về tỷ suất đầu tư TSCĐ cho thấy mức độ đầu tư vào TSCĐ trong tổng giá trị tài sản của Công ty năm 2000 có tăng 5,29% so với năm 1999 nhưng đến năm 2001 lại giảm đi 7,42% so với năm 2000. Như vậy năm 2000 Công ty có chú trọng đầu tư vào TSCĐ nhưng sang đến năm 2001 tỷ suất này đã giảm chứng tỏ việc đầu tư cho TSCĐ đã không còn được ưu tiên.

Lý do chung làm cho các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng TSCĐ giảm xuống qua 2 năm 2000, 2001 mà đặc biệt là năm 2001 tất cả các chỉ tiêu đều cho thấy hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty giảm đi đó là:

- Năm 2001 mặc dù doanh thu hàng xuất khẩu có tăng hơn so với năm 1999 và 2000 nhưng do doanh thu tiêu thụ trong nước tăng không đáng kể nên doanh thu năm 2001 hầu như tăng rất ít so với năm 2000.

- Do năm 2000, 2001 việc đầu tư đổi mới TSCĐ của Công ty giảm đi nên làm cho giá trị TSCĐ bình quân, giá trị máy móc, thiết bị có tăng nhưng không lớn.

- Lợi nhuận ròng từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2000 tăng mạnh do doanh thu tăng cao so với năm 1999 trong khi đó chi phí kinh doanh của doanh nghiệp có tăng nhưng không quá lớn nhưng đến năm 2001, lợi nhuận ròng có tăng nhưng không lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty đã không còn được ưu tiên.

Tuy các chỉ tiêu trên có thể phản ánh hết hiệu quả sử dụng cũng như sức sản xuất của các hạng mục TSCĐ của Công ty nhưng chúng chỉ ra một cách tổng quát rằng hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty ngày càng có xu hướng giảm sút, năng lực sản xuất bị ảnh hưởng. Biểu hiện rõ nhất của xu hướng đó là chỉ tiêu hiệu suất mặc dù là đều lớn hơn 100% nhưng lại có xu hướng giảm qua các năm và các hạng mục TSCĐ với mức độ hiện đại hoá giảm đi trong năm 2001. Chính những biểu hiện này đã làm giảm khả năng khai thác có hiệu quả hơn các TSCĐ

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

hiện có và nh- vậy sẽ ảnh h- ưởng đến khả năng thu hồi vốn, trả bớt nợ, lành mạnh hoá tình hình tài chính của Công ty.

2.2.3. Các yếu tố ảnh h- ưởng đến hiệu quả sử dụng TSCĐ.

2.2.3.1. Các yếu tố khách quan.

a/ Chính sách và cơ chế quản lý kinh tế của Nhà n- ớc.

Tr- ớc hết là một doanh nghiệp nhà n- ớc nên Công ty Cao su Sao Vàng phải tuân theo các quy định của Nhà n- ớc. Hiện nay các quy định của Nhà n- ớc về tài chính và đầu t- xây dựng đ- ợc Công ty thực hiện nghiêm túc, đặc biệt là trong việc đầu t- xây dựng và mua sắm mới TSCĐ. Với chiến l- ược công nghiệp hoá - hiện đại hoá h- ướng về xuất khẩu hiện nay, sản phẩm của Công ty ngày càng đa dạng, với chất l- ượng cao, đ- ợc coi là Công ty đi đầu trong ngành chế phẩm cao su của cả n- ớc. Do đó công nghệ sản xuất của Công ty luôn đ- ợc quan tâm nhiều ở tầm vĩ mô.

b/ Thị tr- ờng và cạnh tranh.

Đã từ lâu, sản phẩm xăm lốp mang nhãn hiệu “ Sao Vàng” đã trở nên quen thuộc đối với ng- ời dân Việt nam. Nh- ng với số l- ượng sản xuất nh- hiện nay, Công ty chỉ mới đáp ứng đ- ợc 40% tiêu thụ trong n- ớc. Thị tr- ờng tiêu thụ chính của Công ty là Miền Bắc và Miền Trung, vì vậy khách hàng chủ yếu của Công ty là các đại lý và các cửa hàng bán lẻ trên hai miền Bắc — Trung.

Thị tr- ờng lớn không có nghĩa là Công ty không chịu sức ép từ các đối thủ cạnh tranh. Với sự lớn mạnh của Công ty Cao su Đà Nẵng và Công ty Cao su Đồng Nai đang dần chiếm lĩnh thị tr- ờng Miền Trung, lại cộng thêm các sản phẩm nhập ngoại tràn lan từ Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, ... gây nên những thách thức cho Công ty. Vấn đề đặt ra cho Công ty Cao su Sao Vàng là phải luôn bám sát nhu cầu thị tr- ờng, sản phẩm phải thể hiện đ- ợc sự khác biệt hoá về chất l- ượng, giá cả, tức là Công ty phải không ngừng nâng cao hàm

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

l- ợng kỹ thuật trong sản phẩm của mình. Với định h- ớng rõ ràng nh- vậy, Công ty Cao su Sao Vàng đã không ngừng đổi mới máy móc thiết bị để làm cho các sản phẩm tiêu thụ của Công ty có chất l- ợng ngày càng cao, giá thành tiêu thụ thấp để không những chiếm lĩnh đ- ợc thị tr- ờng trong n- ớc mà còn có khả năng mở rộng thị tr- ờng ra n- ớc ngoài. Thực tế rằng sản phẩm của Công ty đã xuất khẩu đi nhiều n- ớc nh- Liên Xô, Bungari, CHLB Đức, Cuba...

2.2.1.2. Các yếu tố chủ quan.

a/ Ngành nghề kinh doanh.

Công ty Cao su Sao Vàng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chế phẩm cao su, sản phẩm của Công ty rất phong phú, vì vậy trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty thì nguồn vốn dài hạn chiếm tỷ trọng lớn, các TSCĐ có giá trị lớn. Việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ là giúp cho Công ty thành công trong ngành nghề kinh doanh của mình

b/ Trình độ lao động, ý thức trách nhiệm.

Trong doanh nghiệp, con ng- ời là trung tâm của sự phát triển, là tác giả của mọi thành quả từ quản lý đến sản xuất trực tiếp và kinh doanh.

** Lao động quản lý.*

Ban lãnh đạo có trình độ, có tầm bao quát công việc, biết dùng ng- ời phù hợp với công việc, có tâm huyết và nhạy bén với những thay đổi trên thị tr- ờng sẽ giúp doanh nghiệp phát triển đúng h- ớng, quản lý doanh nghiệp có hiệu quả. Năm 2000, Công ty Cao su Sao Vàng có 325 lao động quản lý chiếm 12,4% tổng số cán bộ công nhân viên trong Công ty trong đó 80% lao động quản lý có trình độ đại học, cao đẳng và trên đại học. Với đội ngũ quản lý có trình độ cao, có kinh nghiệm trong nghề nghiệp nh- vậy đảm bảo cho Công ty có thể vững mạnh trong t- ơng lai.

** Lao động trực tiếp sản xuất.*

Assignment Supporting Group

<http://assignmentssupporting.com>

Các lao động có trình độ tay nghề, tâm huyết và có ý thức trách nhiệm là tài sản quý ở mỗi doanh nghiệp, nó là yếu tố giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, tránh hao hụt lãng phí tài sản, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ trong doanh nghiệp. Công ty Cao su Sao Vàng, năm 2000 có 2304 lao động trực tiếp sản xuất chiếm 87,6% tổng số lao động trong Công ty trong đó công nhân kỹ thuật có tay nghề cao vào khoảng 1828 người (79,3%) với mức trang bị máy móc thiết bị 72.105.064 đồng / 1 lao động cuối năm 2000, đội ngũ này là tiềm năng cho sự phát triển của Công ty, giúp Công ty sử dụng TSCĐ một cách có hiệu quả nhất.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ TẠI CÔNG TY CAO SU SAO VÀNG.

2.3.1. Kết quả đạt được.

Tính hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng TSCĐ ảnh hưởng quan trọng đến năng suất lao động, giá thành và chất lượng sản phẩm, do đó tác động đến lợi nhuận, đến tình hình tài chính doanh nghiệp. Trong thời gian qua việc quản lý, sử dụng TSCĐ ở Công ty đạt được một số kết quả sau:

- Nhờ việc áp dụng phương pháp phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế, theo hình thái biểu hiện mà Công ty có thể nắm rõ được thực trạng đầu tư và sử dụng các hạng mục theo kế hoạch, tránh sử dụng lãng phí và không đúng mục đích.

- Trong quá trình tái sản xuất TSCĐ, Công ty tích cực tìm nguồn tài trợ dài hạn, làm cho cơ cấu vốn dài hạn được ổn định dần, các TSCĐ được đầu tư vững chắc bằng nguồn vốn này.

- Công ty đã thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý tài chính của Nhà nước và của Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam, đặc biệt là trong quản lý và sử dụng TSCĐ, góp phần đẩy nhanh tốc độ chuyển vốn cố định, tăng năng lực sản xuất.

Assignment Supporting Group

<http://assignmentssupporting.com>

- Do nhận thức sâu sắc rằng hiệu suất khai thác dây chuyền sản xuất là yếu tố tác động mạnh đến tính cạnh tranh của sản phẩm, do đó Công ty đã tiến hành nghiên cứu tính năng tác dụng của từng chủng loại trang thiết bị để bố trí sắp xếp dây chuyền công nghệ cho phù hợp với điều kiện mặt bằng hiện có.

- Hiện nay, Công ty đang đi đúng hướng trong việc loại bỏ dần các TSCĐ đã lạc hậu, những máy móc không còn phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất. Công ty đã lắp đặt thêm nhiều dây chuyền công nghệ tự động hoá nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng sản phẩm. Làm được điều này, Công ty phải dựa trên cơ sở nguồn vốn dài hạn huy động được. Hơn nữa, các máy móc thiết bị được khai thác tốt là yếu tố thúc đẩy nhanh quá trình thu hồi vốn cố định, đầu tư mới, thay thế cho các hạng mục đó.

Có được kết quả này là do:

- Công ty luôn năng động trong việc tìm nguồn tài trợ để đầu tư mới TSCĐ đảm bảo năng lực sản xuất. Công ty đã sử dụng thông đối có hiệu quả nguồn vốn vay, tạo uy tín tốt với khách hàng và đối tác.

- Cơ cấu TSCĐ theo công dụng kinh tế là rất hợp lý, phù hợp với đặc điểm sản xuất của Công ty giúp tăng năng suất lao động, mang lại sức sinh lời cao trên mỗi đồng vốn bỏ ra.

- Trình độ cán bộ công nhân viên trong Công ty ngày càng được nâng cao, cán bộ quản lý được trau dồi chuyên môn, công nhân sản xuất có trình độ tay nghề nâng lên theo mức hiện đại hoá của công nghệ mới. Thêm vào đó với chế độ đãi ngộ và sử dụng lao động hợp lý, Công ty đang khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc có trách nhiệm, tâm huyết và có hiệu quả hơn. Nhờ vậy mà TSCĐ được quản lý và sử dụng có hiệu quả hơn.

2.3.2. Hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được ở trên, việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty còn gặp một số hạn chế sau:

Assignment Supporting Group

<http://assignmentsupporting.com>

- Mặc dù máy móc thiết bị của Công ty đã đ- ợc đổi mới rất nhiều so với tr- ớc đây nh- ng vẫn ch- a đáp ứng đ- ợc nhu cầu đổi mới toàn bộ công nghệ. Do máy móc thiết bị không đồng bộ nên chi phí về máy móc thiết bị của Công ty rất lớn mà đ- ợc thể hiện ở chi phí sửa chữa hàng năm (mặc dù trong những năm gần đây đã giảm đi). Từ đó làm cho giá thành của sản phẩm rất cao, dẫn đến giảm lợi nhuận của Công ty.

- Đã từ lâu Công ty không tiến hành đánh giá lại TSCĐ, điều này làm cho việc xác định mức khấu hao nhằm hạch toán và tính giá thành sản phẩm không đ- ợc chính xác.

- Trong hoạt động tài trợ cho TSCĐ, tỷ lệ vốn chủ sở hữu ít mặc dù các quỹ đã đ- ợc huy động. Mặt khác, Công ty chỉ chú ý đến hoạt động vay truyền thống bằng hợp đồng tín dụng từ các ngân hàng là chủ yếu mà ch- a chú ý đến các nguồn khác nh- phát hành trái phiếu trên thị tr- ờng chứng khoán...

- Do quy mô của Công ty rất lớn, các nhà máy, chi nhánh, xí nghiệp... không tập trung ở một địa điểm làm cho việc quản lý sử dụng TSCĐ không phát huy đ- ợc hiệu quả cao.

- Trong những năm gần đây đặc biệt là 2 năm 2000, 2001 Công ty vẫn ch- a tận dụng đ- ợc hết năng lực sản xuất của các TSCĐ, các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng TSCĐ biến đổi theo chiều h- ớng không tốt.

Nguyên nhân của những hạn chế:

- Cuối năm 2000 kéo dài đến hết năm 2001, Công ty gặp phải khó khăn trong quá trình tiêu thụ sản phẩm làm cho doanh thu giảm. Nguyên nhân của tình trạng này là do chất l- ợng các mặt hàng biến động, ch- a đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, giá thành sản phẩm còn cao hơn các đơn vị sản xuất cùng mặt hàng, một số sản phẩm và một số thị tr- ờng bị đối thủ lấn sân. Thị tr- ờng tiêu thụ giảm nên Công ty không tận dụng tối đa công suất máy móc, gây khó khăn cho hoạt động nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

Assignment Supporting Group

<http://assignmentssupporting.com>

- Năm 2001, số vốn đầu t- đổi mới trang thiết bị giảm đi nhiều ảnh h- ỏng đến việc nâng cao năng suất lao động trong Công ty.

- Công ty ch- a thực sự quan tâm đến hiệu quả sử dụng TSCĐ nhất là về mặt tài chính. Việc tính toán các chỉ tiêu tài chính về hiệu quả sử dụng TSCĐ, phân tích tình hình sử dụng TSCĐ hầu nh- không có. Chính điều này dẫn đến việc đánh giá không chính xác những thiếu sót trong việc sử dụng và từ đó không thể đ- a ra những giải pháp đúng đắn

CHƯƠNG 3

GIỚI THIỆU NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG
TY CAO SU SAO VÀNG

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY.

Là một đơn vị có bề dày truyền thống hơn 40 năm xây dựng và trở thành. Căn cứ vào những thành tựu cũng như những hạn chế, những khó khăn và những nguyên nhân trì trệ yếu kém trong sản xuất kinh doanh từ cuối năm 2000 trở lại đây, đồng thời đứng trước thách thức, vận hội cũng như chiến lược phát triển của toàn ngành, Công ty đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ trong phát triển sản xuất kinh doanh lâu dài (2002 - 2004) của mình như sau:

1/ Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất, xây dựng sự thống nhất điều hành giữa Công ty với cơ sở; phát huy vai trò lãnh đạo của Công ty đồng thời với tăng cường phân cấp quản lý, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi thành viên Công ty.

2/ Phát huy trí tuệ tập thể, nâng cao trách nhiệm cá nhân đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

3/ Đẩy mạnh tăng trưởng sản xuất các sản phẩm chủ yếu trên cơ sở tiếp tục chuyên môn hoá sản xuất có năng suất cao, tính năng kỹ thuật mới và chất lượng ổn định, hiệu quả kinh tế, giá cả phù hợp. Tiếp tục xác định cơ cấu sản phẩm, hoàn chỉnh quy hoạch mặt bằng, quy hoạch sản xuất, hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo hướng mở rộng quy mô sản xuất cho lâu dài, tiết kiệm, hợp lý, mang tính công nghiệp, bảo vệ môi trường.

4/ Tìm mọi biện pháp giảm giá thành sản phẩm, tạo tiềm năng cạnh tranh, cắt giảm các chi phí kém hiệu quả; kiên quyết thực hiện các giải pháp tiết kiệm trong đó giảm hao phí vật tư và chống lãng phí năng lượng là trọng tâm.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

5/ Lãnh mạnh hoá công tác tiêu thụ sản phẩm và tài chính. Từng bước quy hoạch công tác thị trường theo hướng chuyên môn hóa, ổn định, bền vững và phát triển.

Với những định hướng trên sẽ giúp Công ty khắc phục được tình trạng trì trệ hiện nay và đi lên trở thành một đơn vị kinh doanh năng động hiệu quả, góp phần hoàn thành chiến lược phát triển của toàn ngành.

Từ những thực trạng đã phân tích và ph- ớng h- ớng, nhiệm vụ của Công ty nêu trên tôi xin nêu lên một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty.

3.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ TẠI CÔNG TY CAO SU SAO VÀNG.

3.2.1. Hoàn thiện quy trình ra quyết định mua sắm TSCĐ.

Công tác đầu tư mua sắm mới TSCĐ là hoạt động trực tiếp ảnh hưởng đến năng lực sản xuất của Công ty. Hơn nữa, đó là sự bỏ vốn đầu tư dài hạn, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, do vậy quy trình ra quyết định mua sắm TSCĐ là một vấn đề quan trọng cần phải được phân tích kỹ lưỡng. Trước khi ra quyết định, việc kế hoạch hoá đầu tư mới TSCĐ là cần thiết để xác định chính xác nhu cầu cho từng loại TSCĐ phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất của Công ty, sẽ tạo điều kiện cho Công ty chủ động huy động nguồn tài trợ phục vụ cho hoạt động đó.

Tuy nhiên, do số lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ của Công ty phụ thuộc vào đơn đặt hàng, các hợp đồng kinh tế đã ký kết, đồng thời căn cứ vào nhu cầu tiêu thụ từng thời kỳ. Điều này gây nên khó khăn cho việc bố trí sử dụng TSCĐ một cách hợp lý, gây cản trở cho hoạt động kế hoạch hoá và đầu tư mới TSCĐ.

Ngoài việc lên kế hoạch đầu tư TSCĐ, Công ty cần nâng cao hiệu quả trong công tác tiến hành thẩm định các dự án đầu tư, xây dựng để đưa ra được những quyết định tối ưu nhất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các TSCĐ đầu tư mới.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

Giải pháp này sẽ giúp Công ty:

- Thông qua các mục tiêu đề ra trong kế hoạch, Công ty có thể chủ động sử dụng các TSCĐ hiện có vì chúng đã được xác định rõ là sẽ phục vụ cho mục đích gì và trong bao lâu.

- Có cơ hội chuẩn bị và lựa chọn các đối tác để đảm bảo cho các TSCĐ đã được mua sắm, xây dựng với mức độ hiện đại, chất lượng tốt và giá thành hợp lý.

- Công ty có thể đăng ký các dự án với Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam, trên cơ sở đó Tổng Công ty có những biện pháp hỗ trợ thông qua điều chuyển TSCĐ, bảo lãnh vay vốn.

- Từ việc lập kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị, Công ty có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo công nhân cho phù hợp với trình độ trang bị TSCĐ trong tương lai và nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ mới được nâng cao.

- Đưa ra được những lựa chọn đúng đắn cho việc đầu tư mới TSCĐ, tránh lãng phí vốn đầu tư.

3.2.2. Tăng cường đổi mới công nghệ, quản lý sử dụng và bảo dưỡng TSCĐ.

Việc tăng cường công tác quản lý sử dụng, bảo dưỡng, đổi mới công nghệ TSCĐ là một yếu tố quan trọng giúp đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục, năng suất lao động sẽ được nâng cao kéo theo giá thành sản phẩm giảm và nâng cao lợi thế về chi phí cho sản phẩm của Công ty có thể cạnh tranh trên thị trường.

Mặc dù máy móc thiết bị của Công ty đã đổi mới rất nhiều nhưng cho đến nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới toàn bộ công nghệ. Vì vậy để máy móc thiết bị mới đầu tư mang lại hiệu quả thì Công ty phải mua sắm đồng bộ tức là đầu tư đổi mới cả dây chuyền sản xuất trong cùng thời gian.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

Công ty phải không ngừng thực hiện việc chuyển giao công nghệ để cải tiến công nghệ đầu tư - máy móc thiết bị hiện đại của nước ngoài. Có như vậy, các TSCĐ mới phát huy tác dụng nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao.

Hiện nay những TSCĐ đang sử dụng trong doanh nghiệp có thời hạn sử dụng trung bình tương đối dài bởi lẽ khi nước ta tham gia hoàn toàn vào AFTA thì thị trường công nghệ sẽ thay đổi lớn, các máy móc thiết bị khó tránh khỏi hao mòn vô hình ở mức cao, nguy cơ không bảo toàn được vốn cố định là rất lớn. Công ty nên tiến hành đánh giá lại toàn bộ TSCĐ để xác định việc trích khấu hao cho chính xác.

Tránh việc mất mát, hỏng hóc TSCĐ trước thời gian dự tính bằng việc phân cấp quản lý chặt chẽ đến từng chi nhánh, xí nghiệp, phân xưởng, nâng cao tinh thần trách nhiệm vật chất trong quản lý chấp hành nội quy, trong đó quy chế sử dụng TSCĐ là nội dung quan trọng nhất. Công ty cần quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng bộ phận và cá nhân trong bảo quản, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn cho TSCĐ để chúng luôn được duy trì hoạt động với công suất cao.

Ngoài ra, Công ty nên sử dụng triệt để các đòn bẩy kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả khai thác công suất sử dụng của máy móc thiết bị. Với quy chế thưởng phạt rõ ràng, nghiêm minh, Công ty cần nâng cao và khuyến khích ý thức, tinh thần trách nhiệm của công nhân viên trong việc giữ gìn tài sản nói chung và TSCĐ nói riêng. Sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động, tận dụng công suất máy móc thiết bị, nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ trong Công ty.

Thực hiện giải pháp này sẽ giúp Công ty:

- Nắm chắc tình trạng kỹ thuật và sức sản xuất của các TSCĐ hiện có. Từ đó có thể lên kế hoạch đầu tư, đổi mới TSCĐ cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất trong tương lai.

Assignment Supporting Group

<http://assignmentssupporting.com>

- Đảm bảo an toàn cho các TSCĐ trong Công ty và giảm chi phí quản lý TSCĐ.

- Công ty có thể bố trí dây chuyền công nghệ hợp lý trên diện tích hiện có.

- Giúp cho TSCĐ luôn duy trì hoạt động liên tục với công suất cao, tạo ra được những sản phẩm có chất lượng tốt và có tính cạnh tranh cao không những ở thị trường trong nước mà còn cả thị trường nước ngoài.

3.2.3. Thanh lý, xử lý các TSCĐ không dùng đến.

Hiện nay, do những nguyên nhân có thể là chủ quan chẳng hạn như bảo quản, sử dụng kém làm cho tài sản bị hỏng hoặc khách quan tạo ra thay đổi nhiệm vụ sản xuất mà không cần dùng. Việc giữ nhiều TSCĐ không dùng đến sẽ dẫn đến vốn sẽ bị ứ đọng gây lãng phí trong khi doanh nghiệp lại đang rất cần vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty cần xác định nguyên nhân dẫn đến việc ứ đọng TSCĐ để cần nhanh chóng thanh lý những TSCĐ đã bị hỏng, đồng thời có kế hoạch điều phối TSCĐ không có nhiệm vụ sản xuất cho nơi khác sử dụng.

Thực hiện được tốt giải pháp này sẽ giúp Công ty:

- Tránh việc ứ đọng vốn, thu hồi được phần nào vốn đầu tư bỏ ra.

- Tạo điều kiện để mua sắm những TSCĐ mới thay thế, nâng cao được năng lực sản xuất.

3.2.4. Tận dụng năng lực của TSCĐ trong Công ty.

Việc đề ra là cần tận dụng năng lực của TSCĐ trong doanh nghiệp rất cần thiết. Trong các biện pháp tăng năng suất lao động, thì biện pháp tăng công suất máy móc thiết bị rất được các doanh nghiệp chú trọng. Tăng năng suất của thiết bị máy móc có tác dụng tiết kiệm sức lao động, giảm chi phí nguyên vật liệu, từ đó sẽ tăng doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

Doanh nghiệp cần tránh tr- ờng hợp máy móc phải ngừng việc do thời gian sửa chữa máy móc quá lâu hoặc do thiếu nguyên vật liệu, thiếu công nhân có trình độ... làm ảnh h- ưởng đến việc tận dụng năng lực của máy móc. Khi muốn tăng năng suất, doanh nghiệp cần xem xét xem đã tận dụng hết công suất của máy móc hiện có ch- a tr- ớc khi đ- a ra quyết định mua sắm mới TSCĐ.

Tác dụng của giải pháp này :

- Giúp Công ty tiết kiệm đ- ợc chi phí sản xuất kinh doanh và nh- vậy mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của Công ty sẽ có thể thực hiện đ- ợc.
- Công ty có thể sử dụng đ- ợc tối đa công suất của máy móc thiết bị, tránh đ- ợc những lãng phí không cần thiết.

3.2.5. Lựa chọn nguồn tài trợ dài hạn hợp lý.

Hiện nay, ở n- ớc ta đang diễn ra một nghịch lý là các doanh nghiệp thì thiếu vốn dài hạn trong khi đó các ngân hàng lại d- thừa vốn ngắn hạn. Tình hình này gây khó khăn cho cả doanh nghiệp và ngân hàng. Do vậy, vấn đề đặt ra không chỉ riêng cho những doanh nghiệp vừa và nhỏ mà còn cả ở những doanh nghiệp có quy mô lớn nh- Công ty Cao su Sao Vàng là phải huy động và sử dụng vốn nh- thế nào để có hiệu quả cao nhất. Đặc biệt là những nguồn vốn đầu t- vào TSCĐ, vì có tính chất dài hạn nên ảnh h- ưởng quan trọng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, nhất là đối với Công ty Cao su Sao Vàng khi mà tỷ lệ vốn cố định chiếm trên 80% tổng số vốn kinh doanh của Công ty (theo số liệu thống kê năm 1999).

Cho đến nay, hầu nh- việc đầu t- TSCĐ là sử dụng nguồn vốn vay mà chủ yếu là vay từ các ngân hàng th- ơng mại, các đối tác mà ch- a quan tâm nhiều đến vay từ cán bộ công nhân viên và hoạt động thuê tài sản là một hình thức có nhiều - u điểm nh- Công ty có thể giải quyết một phần những khó khăn về vốn đồng

Assignment Supporting Group

<http://assignmentssupporting.com>

thời không phải chịu những hao mòn vô hình và có thể có đ- ợc những công nghệ phù hợp cho từng thời kỳ...

Giải pháp này sẽ giúp Công ty:

- Có đ- ợc một cơ cấu vốn hợp lý với chi phí vốn thấp nhất, đảm bảo cho việc sử dụng vốn có hiệu quả.

- Tìm đ- ợc nguồn tài trợ dài hạn vững chắc cho các TSCĐ có trong Công ty.

3.2.6. Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ.

- Tiếp tục thực hiện quy chế quản lý tài chính kế toán về quản lý sử dụng TSCĐ.

- Công tác lập kế hoạch khấu hao cần phải đ- ợc tính toán chính xác và chặt chẽ hơn tránh việc thu hồi không đủ vốn đầu t- ban đầu.

- Công ty cần tiến hành đánh giá lại TSCĐ một cách th- ờng xuyên và chính xác. Hiện nay do khoa học công nghệ ngày càng tiến bộ làm cho các TSCĐ không tránh khỏi sự hao mòn vô hình. Đồng thời, với một cơ chế kinh tế thị tr- ờng nh- hiện nay giá cả th- ờng xuyên biến động. Điều này làm cho việc phản ánh giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách kế toán bị sai lệch đi so với giá trị thực tế (nhất là hiện nay Công ty vẫn còn một số máy móc thiết bị đã đ- ợc đầu t- từ lâu). Việc th- ờng xuyên đánh giá lại TSCĐ sẽ giúp cho việc tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu hồi vốn và bảo toàn vốn cố định, nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hoặc có những biện pháp xử lý những TSCĐ bị mất giá nghiêm trọng, chống thất thoát vốn.

- Hiện nay, công tác kế toán của Công ty đã đ- ợc vi tính hoá, Công ty nên nối mạng với các cơ sở của mình và các đơn vị trong ngành cũng nh- hệ thống thông tin của Tổng Công ty để tăng c- ờng hiệu quả quản lý TSCĐ, cập nhật thông tin về thị tr- ờng và công nghệ.

Giải pháp này giúp Công ty:

Assignment Supporting Group

<http://assignmentsupporting.com>

- Ghi chép chính xác tình hình TSCĐ, tạo điều kiện cho việc đánh giá năng lực sản xuất thực của các TSCĐ hiện có từ đó có những quyết định đầu tư- đổi mới TSCĐ một cách đúng đắn và nh- vậy mới nâng cao đ- ợc hiệu quả sử dụng TSCĐ.

- Từ những số liệu chính xác có trong sổ sách kế toán, Công ty có thể tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty, từ đó đ- a ra những giải pháp tốt nhất.

3.2.7. Nâng cao trình độ cán bộ nhân viên trong Công ty.

a/ Đối với cán bộ quản lý.

Đây là đội ngũ quan trọng, quyết định h- ớng đi cho doanh nghiệp. Họ đứng ra quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho Công ty có thể phát triển mạnh mẽ. Nhận thức đ- ợc điều này, Công ty cần:

- Không ngừng nâng cao trình độ quản lý nghiệp vụ cho họ, mặt khác phải tạo cơ hội cho họ tự phấn đấu v- ơn lên.

- Chăm lo công tác đào tạo mọi mặt : đào tạo nâng cao, đào tạo lại, đào tạo bổ xung, đào tạo chuyên ngành cho cán bộ kỹ thuật cho phù hợp với điều kiện máy móc trang thiết bị ngày càng tiên tiến và hiện đại. Cần đặt ra yêu cầu cho họ là phải th- ờng xuyên cập nhật thông tin về các công nghệ mới, hiện đại mà Công ty ch- a có điều kiện đầu tư- để có thể tham m- u cho ban lãnh đạo khi Công ty tiến hành đổi mới TSCĐ.

b/ Đối với công nhân trực tiếp sản xuất.

Hiệu quả sử dụng TSCĐ phụ thuộc rất nhiều vào lực l- ợng lao động này bởi vì họ là những ng- ời trực tiếp vận hành máy móc để tạo ra sản phẩm. Do máy móc thiết bị ngày càng hiện đại hoá cho nên trình độ của họ cũng phải thay đổi theo để phát huy tính năng của chúng.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

- Công ty cần phải khuyến khích họ phát huy vai trò tự chủ, năng động sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm trong công việc thông qua việc sử dụng chế độ tiền lương, tiền thưởng như một đòn bẩy để phát triển sản xuất chẳng hạn như thưởng sáng kiến, thưởng cho công nhân có tay nghề cao...

- Cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân sản xuất bởi ngành chế biến sản xuất cao su là ngành tiếp xúc với nhiều hoá chất độc hại. Do đó cần phải đảm bảo điều kiện làm việc tốt cho môi trường làm việc, có như vậy mới tạo điều kiện cho công nhân toàn tâm toàn ý sản xuất.

- Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho công nhân, giúp họ hoàn thiện kỹ năng sử dụng các máy móc thiết bị kỹ thuật mới đảm bảo hiệu suất hoạt động ở mức tối đa.

- Tiến hành sắp xếp, bố trí công nhân có trình độ tay nghề khác nhau một cách khoa học sao cho có thể đảm bảo được sự hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả của tất cả các dây chuyền sản xuất mà Công ty hiện có.

Tác dụng của giải pháp này:

- Các TSCĐ trong Công ty được giữ gìn, bảo quản tốt ít bị hỏng và như vậy chi phí liên quan sẽ giảm đi nhiều.

- Các máy móc thiết bị sẽ hoạt động với hiệu suất cao nhất, đạt hiệu quả cao, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao.

Trên đây những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty Cao su Sao Vàng. Mặc dù, những giải pháp đưa ra dựa trên cơ sở nghiên cứu nghiêm túc về tình hình tài chính và hoạt động sử dụng TSCĐ của Công ty trong thời gian qua. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu có hạn, bản thân chúng tôi tiếp xúc nhiều với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt do trình độ còn hạn chế cho nên chắc chắn những giải pháp đưa ra còn nhiều điểm chưa phù hợp và cần tiếp tục xem xét.

Assignment Supporting Group

<http://assignmentssupporting.com>

Để những giải pháp đ- a ra có thể thực hiện thành công thì riêng cá nhân Công ty không thể làm tốt đ- ợc mà cần phải có sự kết hợp của cả Nhà n- ớc và Công ty. Trong đó, Công ty phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động trong việc tiến hành hoạt động kinh doanh còn Nhà n- ớc đóng vai trò là ng- ời giám sát và quản lý. Do vậy, tôi xin mạnh dạn đ- a ra một số kiến nghị với Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam và Nhà n- ớc.

3.3. KIẾN NGHỊ.

3.3.1. Kiến nghị với Tổng Công ty.

Hiện nay, vấn đề huy động vốn trên thị tr- ờng vẫn gây khó khăn cho các doanh nghiệp đặc biệt là về lãi suất vay. Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam có thể xem xét việc thành lập Công ty tài chính nhằm hỗ trợ các đơn vị thành viên trong đầu t- đổi mới TSCĐ nhất là những TSCĐ có giá trị lớn.

3.3.2. Kiến nghị với Nhà n- ớc.

- Hoàn thiện một số nội dung của cơ chế quản lý tài chính DNNN.

Hiện nay, theo quyết định số 166/199/QĐ/BTC của Bộ tr- ờng Bộ Tài chính ngày 30/12/1999 thì các DNNN chỉ áp dụng một ph- ơng pháp khấu hao là ph- ơng pháp khấu hao theo đ- ờng thẳng. Quy định này có ảnh h- ưởng không tốt đối với việc trích khấu hao trong doanh nghiệp, ảnh h- ưởng đến việc thu hồi đủ vốn đầu t- ban đầu bởi vì mức hao mòn TSCĐ qua từng năm không giống nhau, đặc biệt là hao mòn vô hình. Mức khấu hao hiện nay theo quy định là t- ơng đối thấp so với hao mòn thực tế cả vô hình lẫn hữu hình. Thiết nghĩ, các cơ quan chức năng có thể xem xét vấn đề này. Bên cạnh đó, với xu h- ớng phát triển nh- ịên nay thì việc đánh giá lại TSCĐ trong các doanh nghiệp là hết sức quan trọng nh- ờng do quá tình thực hiện phức tạp nên nhiều doanh nghiệp không muốn tiến hành. Do vậy, Nhà n- ớc nên có những quy định cụ thể liên quan đến vấn đề này.

- Trong hoạt động quản lý đầu t- và xây dựng có liên quan trực tiếp đến việc hình thành TSCĐ trong doanh nghiệp còn nhiều tồn tại nh- ỏ tục quyết toán

Assignment Supporting Group **<http://assignmentssupporting.com>**

còn rất r- ờm rà, nhiều khi TSCĐ đ- ợc đ- a vào sử dụng khá lâu mà việc quyết toán vẫn ch- a xong, ảnh h- ởng xấu đến việc trích khấu hao TSCĐ, bảo toàn vốn cố định và nâng cao hiệu quả sử dụng của các TSCĐ.

Vì vậy, Nhà n- ớc cần l- u ý đến và sớm hoàn thiện hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tổ chức và hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

- Khi tiến hành vay vốn ngân hàng, mối quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp là lãi suất vay, đó là yếu tố quyết định đến hoạt động đầu t- mà đặc biệt là hoạt động đầu t- vào TSCĐ.

Hiện nay, ở n- ớc ta nguồn vốn trong các doanh nghiệp chủ yếu là nguồn vốn vay nên chỉ cần một sự biến đổi nhỏ trong lãi suất vay vốn thôi cũng có thể làm thay đổi cả tình trạng hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, tác động đến việc mở rộng sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Nhà n- ớc cần quy định sao cho với cơ chế điều hành lãi suất nh- hiện nay có thể khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình đồng thời lợi ích của ngân hàng vẫn phải đ- ợc bảo đảm và tuân thủ nguyên tắc hoạt động của ngân hàng.

Lĩnh vực ngân hàng cần xem xét lại các điều kiện vay vốn và quá trình thanh toán sao cho thuận lợi hơn với các doanh nghiệp, tránh những rủi ro trong hoạt động thanh toán ảnh h- ởng đến cả 2 phía. Đối với những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, ngân hàng có thể tạo điều kiện dễ dàng hơn cho họ trong quá trình vay vốn.

Chính phủ cần có những chính sách xây dựng một thị tr- ờng tài chính, thị tr- ờng vốn ổn định. Thông qua hệ thống các ngân hàng th- ơng mại, các tổ chức tín dụng, các công ty tài chính, các quỹ đầu t- .. để hoà nhập thị tr- ờng vốn trong n- ớc với khu vực, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể tự động huy động vốn thông qua các hình thức phát hành trái phiếu, cổ phiếu, góp vốn liên doanh để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

- Trong tiến trình hội nhập với nền kinh tế khu vực và trên thế giới, các chính sách ngoại thương như thuế xuất nhập khẩu, chính sách bảo hộ, tỷ giá phải có những nghiên cứu kỹ lưỡng để điều chỉnh cho phù hợp. Trong thời gian tới, Nhà nước cần có biện pháp cụ thể nhằm bảo vệ đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Hiện nay, Công ty Cao su Sao Vàng có khá nhiều sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài. Khi những chính sách ngoại thương của Nhà nước được hoàn thiện sẽ giúp cho Công ty có điều kiện thuận lợi trong việc khai thác thị trường thế giới. Đây là điều kiện quan trọng cho các Công ty nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

- Nhà nước cần có những biện pháp để hoàn thiện môi trường pháp lý nhằm ổn định xã hội, phát triển kinh tế và tăng cường hợp tác với các nước. Với một môi trường pháp lý hoàn chỉnh sẽ thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đảm bảo sự lành mạnh trong hoạt động kinh doanh giữa các thành phần kinh tế.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường, việc chịu sức ép từ các đối thủ cạnh tranh là điều mà không doanh nghiệp nào tránh khỏi. Hiện nay, các sản phẩm của Công ty Cao su Sao Vàng đang phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ phía các đơn vị cùng ngành cả trong và ngoài nước. Đây vừa là cơ hội mà cũng vừa là thách thức lớn cho Công ty.

Assignment Supporting Group **<http://assignmentsupporting.com>**

Để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường thì không chỉ Công ty mà tất cả các doanh nghiệp đều phải cố gắng nâng cao năng lực sản xuất, không ngừng đổi mới công nghệ cho TSCĐ song song với tiết kiệm chi phí kinh doanh. Điều này cho phép sản phẩm của Công ty có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

Từ khi thành lập cho đến nay, đặc biệt là từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, Công ty Cao su Sao Vàng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Hiện nay, Công ty có số lượng và giá trị TSCĐ rất lớn trong đó máy móc thiết bị chiếm một tỷ trọng lớn và vẫn không ngừng đổi mới TSCĐ cho phù hợp với yêu cầu từng thời kỳ. Trong thời gian qua, vấn đề sử dụng TSCĐ tại Công ty đã đạt được nhiều thành tựu song không tránh khỏi những lúc thăng trầm và còn nhiều hạn chế. Với tầm vai trò của TSCĐ trong hoạt động kinh doanh, việc tìm ra giải pháp giúp Công ty nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ là điều có ý nghĩa quan trọng.

Hiện nay, với một đội ngũ cán bộ công nhân viên đông đảo trong Công ty, có năng lực và trình độ chuyên môn và tay nghề cao, hy vọng rằng Công ty sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những khó khăn trước mắt để trở thành một DNNN làm ăn có hiệu quả cao.

Với đề tài “Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty Cao su Sao Vàng Hà Nội”, em đã vận dụng những kiến thức đã học để nghiên cứu thực tế tình hình sử dụng TSCĐ tại Công ty Cao su Sao Vàng. Bài viết đã nêu lên thực trạng tình hình sử dụng TSCĐ tại Công ty, phân tích những kết quả đạt được và những khó khăn cần khắc phục để tìm ra nguyên nhân gây ra những hạn chế trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng. Trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty. Tuy nhiên, với sự hạn chế trong thời gian tìm hiểu, nghiên cứu cũng như những hiểu biết trong vấn đề này nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong

Assignment Supporting Group
<http://assignmentsupporting.com>

đ- ọc các thầy cô, các cán bộ phòng tài chính kế toán chỉ bảo, đóng góp ý kiến để bài viết của em đ- ọc hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !